

Độc Thơ Nguyễn Trãi Đề Yên Tử Sơn, Hoa Yên Tự

PHẠM THẢO NGUYỄN

Ngày xuân chúng ta hãy theo Nguyễn Trãi lên núi thiêng Yên Tử lễ chùa Hoa Yên:

題安子山花煙寺

安山山上最高峰，
纔五更初日正紅。
宇宙眼窮滄海外，
笑談人在碧雲中。
擁門玉槩森千畝，
掛石珠流落半空。
仁廟當年遺跡在，
白毫光裏睹重瞳。

Yên sơn sơn thượng tối cao phong
Tài ngũ canh sơ nhật chính hồng
Vũ trụ nhãn cùng thương hải ngoại
Tiểu đàm nhân tại bích vân trung
Ứng môn ngọc sóc sâm thiên mẫu
Quải thạch châu lưu lạc bán không
Nhân miếu đơng niên di tích tại
Bạch hào quang lý đồ trùng đồng

Chùa Hoa Yên, Núi Yên Tử

Trên đỉnh núi Yên cao tốt vôi
Canh năm vừa tới, trời hồng tươi
Mắt nhìn vũ trụ ngoài tầm biển
Người đứng giữa mây nói nói cười
Bọc cửa măng nhô nghìn mẫu trúc
Đá treo châu chảy nửa lưng trời
Nhân Tôn di miếu còn ngay đó
Trong ánh hào quang mắt Bụt ngồi

Mắt nhìn vũ trụ ngoài tầm biển

Người đứng giữa mây nói nói cười.

Không phải là vẻ kiêu hãnh tự hào, lời thơ nhẹ như không, nhưng đây nức sự thoả lòng vì công cuộc giải phóng đất nước do Lê Lợi cầm đầu, vừa đánh đuổi xong giặc Minh, kẻ xâm lược hỗn sược phương bắc, Nguyễn Trãi, người có công đầu, sắc nhận rằng:

“Giữa vũ trụ này, đây là đất của tổ tiên ta, dân ta đã oai hùng dành lại được, là nơi ta đặt chân đứng lên làm chủ, cười cười nói nói hiên ngang giữa mây trời”.

(Đó cũng chính là tấm lòng đầy xúc động của một người dân Việt thời nay, đứng tại đỉnh

Bình chú:

Khi được đọc bài thơ này của Nguyễn Trãi, câu thơ thứ tư đã thu hút tôi lạ lùng:

Tiểu đàm nhân tại bích vân trung.

(Nói cười người ở trong đám mây xanh)

Một câu thơ ung dung tự tại, thanh thoát, chữ dùng rất giản dị nhẹ nhàng, mà sao ta thấy chan hoà một tư cách cao vời vợi của người thơ. Và bài thơ dịch chỉ viết xong khi tôi tạm bằng lòng câu:

Người đứng giữa mây nói nói cười.

Nhưng thật ra để nói lên tâm tình Nguyễn Trãi, thì phải có đủ cả hai câu 3, 4:

núi thiêng Yên Tử phủ mây, vào lúc tang tảng sáng, chứng kiến tận mắt cảnh trời núi ửng hồng. Với tầm mắt vượt ngoài vịnh Hạ Long diễm lệ dưới kia, người đó nhìn ra vũ trụ, thấy mình đang đứng giữa mây núi quê hương, lo lắng cho đất nước trước hoạ xâm lăng).

Sau đó, trong khoảng trời mây núi mênh mông, rừng trúc bạt ngàn, suối, thác, uốn lượn của Yên Tử Sơn, Nguyễn Trãi tới lễ trình miếu thờ vua Trần Nhân Tôn. Ngài là chủ nhân đất nước này, người chỉ huy tối cao của quốc dân trong hai lần cuối cùng phá giặc Nguyên Mông xâm lấn vừa mới hơn một thế kỷ trước (1385, 1388), mà cũng là tổ tiên dòng họ ngoại, của mẹ ông. Khi ngừng lên chiêm bái, ông thấy tượng một vị sa môn đầu đà tu khổ hạnh, nét mặt thanh thần không vương chút bụi trần. Ông thấy cốt cách nhà vua đặc đạo của Đại Việt, người được con dân thời đó gọi rất thân thương là “vua Bụt”, hiện lên trong ánh hào quang, với đôi mắt có hai con ngươi nhìn ông như chan hoà hồn thiêng sống núi.

Hình như đối với phần lớn người Việt chúng ta ngày nay, danh xưng “Vua Bụt” như còn xa lạ. Đó chính là do âm mưu thâm độc của giặc Minh,

chi trong hơn một chục năm chiếm đóng đất nước ta: Chúng muốn xoá tận hết văn hoá dân ta, chúng đã phân chia nước ta thành quận huyện của Tàu, tất cả tài liệu về văn minh Đại Việt xưa, nhất là chữ Nôm, quốc ngữ của dân ta, đã bị chúng cố tình huỷ diệt. Cho nên hiện nay, ta gần như chỉ còn lại bốn bài phú chữ Nôm hiếm hoi của thời đó, còn cất dấu trong các chùa chiền xưa cũ, trong đó có bài Vịnh Vân Yên Tự Phú viết bởi Tam Tô Huyền Quang, còn có danh hiệu này:

... nhèn chi vua Bụt tu hành...

Nhưng nếu ta tìm kiếm rộng ra ngoài, danh xưng Bụt dành cho Phật còn có rất nhiều trong những thư tịch đời xưa, ngay trong ca dao:

Gần chùa gọi bụt bằng anh

Thấy bụt hiền lành công bụt đi chơi.

Cũng như trong Quốc Âm Thi Tập của Nguyễn Trãi, và nhiều tư liệu đời Lê khác:

.. Thân đà hết lụy thân nên nhẹ

Bụt ấy là lòng, bụt há cầu... (Mạn Thuật, bài 5)

... Dù bụt dù tiên ai kẻ hỏi

Ông này đã có thú ông này... (Mạn Thuật, bài 6)...

Phạm Thảo Nguyên

(New york)

BÁC SĨ NGUYỄN THỊ KIM DUNG

Board-Certified Internal Medicine

Nguyên Bác Sĩ nội trú Trung Tâm Bệnh Nhiệt Đới (Bệnh Viện Chợ Quán cũ)

Tốt nghiệp hậu Đại Học Nội Khoa tại New York

Bác sĩ điều trị tại Bệnh Viện Alexandria, Virginia

CHUYÊN KHOA NỘI THƯỜNG VÀ Y KHOA TỔNG QUÁT



5130 Duke Street, Suite 8, Alexandria, VA 22304

Tel: 703-823-2849 - Fax: 703-823-2847



GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai – Thứ sáu: 9:00AM – 6:00PM

Thứ bảy: 10:00AM – 2:00PM, Chủ nhật: Theo hẹn

LỜI CUỐI GỬI GIÓ MÂY

Đỗ Phú

Máy bay của tôi hạ cánh xuống Cleveland vào một buổi chiều bầu trời xám xịt, mới 4 giờ chiều mà Cleveland đã như gần tối, mây xám phủ ngang trời và nặng trĩu như chứa đầy nước. Đài khí tượng dự báo tuyết sẽ đổ xuống vùng Cleveland 2-3 inches và trời sẽ lạnh suốt đêm ở khoảng 20oF. Tôi gọi điện thoại cho Chính, gặp chị Chính trả lời: nhà tôi vào nhà dưỡng bệnh Western Hospice hai tháng nay rồi, tôi hỏi vợ vàng anh sao vậy?, anh bị đau bệnh gì nặng đến nỗi phải vào hospice. Chị

Chính cho hay gần đây anh bị ho nhiều khi tìm thấy bệnh thì là bệnh lao phổi, cả nhà ai cũng ngạc nhiên vì anh ấy không hút thuốc lá, rượu chè rất chừng mực, đã phải cắt một phần phổi và làm

chemo nhưng bệnh lao đã lan qua nhiều cơ phận khác. Tuy bị ho nhưng chỉ khúng khắng nhẹ, không ai ngờ lại nặng như thế. Bác sĩ nói số mệnh của anh bây giờ tính theo từng tháng, anh chắc chỉ còn sống nhiều lắm là 6 tháng nữa. Tôi bị chóiáng váng với tin buồn này. Tôi vội vào thăm Chính trong nhà dưỡng bệnh. Vừa tới cửa phòng số 205, tôi gặp chị Chính, chị cho hay mấy ngày gần đây, anh Chính ngủ nhiều chắc do ảnh hưởng của thuốc ngủ, lúc nào anh mở mắt, anh ấy còn tỉnh táo nhìn ra vợ con và tỏ ra còn trí nhớ tốt. Tôi ngồi



cạnh giường anh, nhìn anh hốc hác xanh xao, tóc thưa thớt, hoa dâm tôi không ngờ mới hai năm không gặp mà anh đã thay đổi nhiều như vậy. Một cuộc đời sắp tàn và tôi sắp mất một người bạn. Chính mở mắt ra nhìn thấy tôi, anh ráng nở một nụ cười chào đón nhưng tôi thấy nó héo hắt làm sao, Tôi nói với Chính tôi lại thăm anh đây, sau một vài câu thăm hỏi, tôi thấy anh có vẻ như muốn nhắm mắt ngủ lại, tôi chào anh, và hẹn sẽ trở lại thăm anh trước khi tôi rời Cleveland. Anh nói cảm ơn Hoàng và thêm anh rất mừng đã nói được với tôi lời cuối.

Tôi ra về lòng băng khuâng không hiểu rõ

lời cuối mà anh nói là gì, anh muốn gửi đến tôi và các bạn anh điều gì. Như một cuốn phim đang quay lại cho tôi thấy một thời đã đi qua. Vào năm 1970, anh dọn tới ở với ông chú Hồng, hàng xóm với gia đình tôi, từ

đó chúng tôi thường gặp nhau, quen nhau rồi đi tới chỗ thân tình. Anh lớn hơn tôi hai tuổi, dáng người thanh lịch, trắng trẻo, khỏe mạnh, anh thường lái xe Vespa đi làm. Thịnh thoảng tôi thấy có chiếc xe Jeep lại đón anh đi buổi sáng. Tôi nhớ có lần hỏi anh đang làm gì, anh trả lời, anh là đại úy nhưng anh làm trong một cơ quan cố vấn đặc biệt nên không phải mặc quân áo nhà binh. Tôi cảm phục anh vì thấy anh còn quá trẻ với cấp bậc đại úy, có lẽ vì dáng người nho nhã của anh. Những ngày nghỉ anh hay rủ tôi đi ăn kem Lan Hương, kem Brodard, đi coi

ciné ở rạp Lê Lợi, Sài Gòn, Đại Nam hay rạp Rex. Thỉnh thoảng anh kể cho tôi nghe về cách làm việc của anh, tôi thấy anh là một người chính chắn, cẩn thận và có óc tổ chức công việc thật chu đáo. Làm việc gì anh cũng tính toán kỹ lưỡng, và chuẩn bị cho thật đầy đủ. Anh nói nhờ có đầu óc suy tư và biết tổ chức công việc, biết lo xa tính toán, anh đã hái được nhiều thành công và tránh được nhiều thất bại. Các bạn anh đều mến anh và nhờ anh giúp đỡ. Tôi hết sức cảm phục anh. Đôi lúc tôi thấy anh có vẻ như tự hào về tài trí của mình.

Thời gian trôi mau, đến 30 tháng tư, chúng tôi mỗi người mỗi ngả. Sau một thời gian lên đênh trên biển, gia đình tôi được định cư tại Hoa Kỳ. Đến San Jose, tiểu bang California được ít lâu, tôi tình cờ gặp lại anh trong một siêu thị, lúc anh đi qua vùng tôi ở. Tôi mời anh chị đến nhà tôi ở chơi vài ngày, lúc này anh đã lập gia đình. Anh kể cho tôi nghe anh đang ở Las Vegas, ngay khi vào được Mỹ, anh đã nghĩ phải tìm đến những nơi dễ kiếm tiền, dễ làm giàu để khi có tiền anh sẽ học thêm về kinh doanh và tài chánh. Anh nghĩ Las Vegas là nơi cờ bạc và giải trí cho bọn có tiền, dân dư tiền của, là nơi hẳn phải dễ làm ăn. Anh tự hoạch định cho mình một chương trình học, anh nói anh phải học lấy bằng Master về tài chánh hay kinh tế. VN trong tương lai gần, chính thể nào cũng phải cần những người có kiến thức về tài chánh và biết làm thương mại. Anh hỏi tôi về học hành tôi luôn luôn đồng ý với anh học cần thiết cho mở mang trí tuệ và là dịp cho mình theo kịp các kiến thức đại học ở một nước tiến tiến như Hoa Kỳ. Tôi nêu nhiều hoài nghi về thời gian và tuổi tác của anh và tôi còn đủ để trở về giúp nước?. Nhất là khi chế độ cộng sản còn thì mình không nên nghĩ tới. Quan trọng đối với tôi là làm sao kiếm được một công việc

làm tốt và ổn định được cuộc sống trên đất Mỹ. Nhiều công việc đòi hỏi mình phải học thêm, học lâu dài, như một số bạn tôi được tuyển dụng làm giáo chức nhưng họ buộc phải học lại một số giờ và trong vòng hai năm phải thi được bằng hành nghề giáo chức, đó là điều mà một số người không thực hiện được.

Chừng hai năm sau, Chính gọi tôi cho hay anh chị đã dọn nhà đến Cleland, Ohio, ở đó bạn anh giới thiệu cho anh một công việc nhẹ nhàng đó là làm công việc kiểm soát các thức phẩm đã hoàn tất từ trong máy chạy ra. Anh nói anh đã lắm khi đến Las Vegas, ở đó hầu như ai cũng làm việc cho sòng bài, ngoài sòng bài ra, công việc là làm cho các nhà hàng ăn, bán đồ dùng và làm dịch vụ cho du khách. Vào làm cho các sòng bài thì sớm muộn gì bạn cũng bị lòng tham và ham muốn chơi bài lỏi kéo và đồng nào kiếm được lại trả về cho nó. Chưa kể một số nhỏ, trở nên con bạc thua quá làm liều như trộm cắp để mang án tù đầy, rồi cũng đi khỏi Las Vegas.

Vào khoảng 1989-1990, Chính cho tôi hay anh đã xong Masters về tài chánh, và anh khoe anh đã tiên đoán như thần là thế nào cộng sản cũng sụp đổ, anh nói cộng sản Nga, Đông Đức, Ba Lan, Tiệp Khắc đã sụp, Tàu mới thoát được vụ Thiên An Môn nhưng sớm muộn gì cũng lụn bại bây giờ họ đang hành xử khác nào bọn mafia, du thủ du thực, cán bộ thì hủ hóa, quan liêu, tham nhũng, ăn cắp của công, gian dối đủ mọi vẻ. VN cũng vậy, họ đã phải cởi mở để sống còn, nhưng mới chỉ cởi mở kinh tế, mà chưa giám trả lại tự do cho dân chúng. Họ vội vã đi vào kinh tế thị trường, mở cửa tư sản cho dân để tránh nội loạn. Họ bị mất viện trợ 1 tỉ đô la một năm của CS Nga Xô vì CS Nga sụp đổ. Họ kêu gọi dân đã di tản gửi tiền đô la về giúp gia đình, họ đưa ra hàng loạt chương trình

mọi tiền như giúp thân nhân nghèo đói, giúp cải tổ mồ mả cha ông, xây lại mồ mả, xây dựng trường học cho trẻ em, xây dựng hay tu bổ lại chùa chiền, nhà thờ, kêu gọi mọi con dân, mà họ đã xua đuổi, về giúp nước, mà hàm ý là đưa người ngoại quốc về và đưa tiền về. Chính thao thao nói về VN, một đất nước có nhiều lợi điểm thu hút tài lực ngoại quốc vì VN đã từng nổi tiếng là một nước nhỏ nghèo nàn chịu đựng bao đau thương của hai cuộc chiến lớn là đánh Pháp và Hoa Kỳ. Hàng triệu người đã chết trong hai cuộc chiến, nó đã kích động lương tâm của toàn thể nhân loại vào thế kỷ thứ 20. Nói đến VN, hàng triệu người muốn đến xem tận mắt, nghe tận tai con người nhỏ bé bị dấy vò thảm thương. Gần triệu quân nhân các nước Âu Châu, Á Châu và Mỹ Châu đã tham dự vào các cuộc chiến này. Hình ảnh và ký ức về VN còn đó. Các nước Âu Mỹ sẵn sàng giúp đỡ VN tái thiết như họ đã từng giúp Đức và Nhật đứng dậy sau thế chiến thứ hai. Khi VN rút quân khỏi Căm Bốt và tuyên bố mở cửa thị trường dù còn giới hạn và dè dặt, họ cũng tận tâm trợ giúp, tin tưởng VN sẽ đáp ứng bùng ra thật sự mau lẹ. Nhưng vì bản chất của người CS, họ luôn chủ trương cướp đoạt chính quyền bằng mọi phương tiện, như là dùng bạo lực, cai trị dân bằng đàn áp, gian trá, sẵn sàng tiêu diệt đối lập. Họ mở cửa thị trường nhưng thông theo câu theo định hướng xã hội chủ nghĩa, một lối nói thị trường tự do trong sự kiểm soát chặt chẽ của đảng, một nghịch lý chòng chéo. CSVN đã duy trì nhiều lực cản làm tăng trưởng kinh tế sút kém nhiều hơn khả năng của dân chúng. Họ duy trì một lực lượng công an, cán bộ quá lớn để bảo vệ chế độ với số lương quá thấp nên phải lơ là cho họ hà hiếp bóc lột dân. Họ duy trì một số lớn công ty quốc doanh lớn để đưa đầu tư vào đó rồi chuyển vào túi cán bộ. Vào năm 1990, số quốc doanh

vào khoảng 12.000, do đòi hỏi cải tổ của kinh tế thị trường đến 2004 xuống còn 3200 công ty lớn, một số công ty quốc doanh nhỏ do các địa phương quản trị bị dẹp bỏ. Công ty quốc doanh bị hạn chế phát triển vì quản lý suy yếu, trì trệ và vì nhu cầu của tệ nạn tham nhũng. Chính kể rằng anh đi làm dành dụm được đồng nào, vợ chồng anh đầu tư luôn đồng đó vào nhà cửa, đất đai. Nhưng vì đồng lương của anh chị không cao nên mức để dành được cho đầu tư tương lai thấp. Anh nói anh có hai vấn đề mà anh hằng ấp ủ phải thực hiện là về VN thăm lại người bạn gái cũ, gia đình cô ta đã một thời ngăn cản mối tình của anh và anh muốn đem áp dụng kiến thức của anh cho gia đình và quê hương. Anh vẫn tin rằng anh có thể làm một cái gì đó trên cả cuộc sống hằng ngày.

Ngày nay tuy đã có vợ con, anh vẫn không quên mối tình đầu. Người bạn gái của anh là Thanh Xuân, anh quen cô khi gặp nhau ở Đại Học Văn Khoa, khi vào lớp cũng như khi đi mua bài, anh thường cho cô mượn bài vở anh chép đủ hay mua cours thì anh mua luôn một phần cho cô. Do học chung và thường xuyên gặp nhau, tình cảm yêu đương nảy nở giữa hai tâm hồn trong sáng. Anh chỉ chờ khi nào kiếm được việc làm thì sẽ tính chuyện hôn nhân. Nhưng đến 1962, anh bị gọi động viên, anh ra trường với cấp bậc sĩ quan bộ binh và di chuyển ra vùng một chiến thuật đi hành quân triền miên. Bố mẹ Thanh Xuân khuyên và ngăn cản cô lấy Chính vì Xuân khá xinh đẹp lại dịu dàng nên nhiều người tới lui nhưng cô không chịu. Một thời gian dài, anh không nhận được thư từ tin tức của Thanh Xuân vì thư từ bị mẹ cô cắt đứt và gia đình lại dọn nhà. Sau anh được biết gia đình Thanh Xuân không muốn con gái lấy chồng lính sợ con gái góa chồng

sớm. Biết bao cảnh mẹ góa con cô trong thời gian từ 1965 đến 1975.

Sau một thời gian dài chúng tôi không gặp nhau vì ai cũng bận rộn công ăn việc làm trên xứ người, lo cho gia đình con cái ăn học. Ban ngày lo làm, lo học, ban đêm lo dạy giỗ con cái, lo ăn ngủ điều độ để có sức khỏe làm việc tiếp ngày hôm sau. Cuộc đời mấy người được thanh thoi không lo nghĩ. Đến năm 2000, vợ chồng tôi đi Florida thăm bạn Thái thì tình cờ gặp Chính trên bãi biển Miami. Anh nắm chặt tay tôi và hàn huyên liên hồi, hẹn tôi ngày hôm sau tại quán ăn Red Lobster để nói chuyện tiếp, Chính nói mình có nhiều chuyện tâm tình với tôi và chỉ có tôi đã biết nhiều về anh hơn ai hết.

Chính kể chuyện anh gặp Hải Anh ở Ohio, lấy nàng làm vợ, anh may mắn gặp được người vợ Việt tốt, hiểu biết nhưng anh vẫn không quên mối tình đầu với Thanh Xuân, thỉnh thoảng anh hồi tưởng đến hình ảnh cũ, những kỉ niệm đẹp đã mất nhưng không thể xóa nhòa trong óc anh. Thời gian như nhiều người nói là liều thuốc tốt giúp con người quên đi được nhiều chia ly đau khổ nhưng với anh niềm đau mất Thanh Xuân có mờ nhạt nhưng vẫn phảng phất đâu đó như một vết hằn lớn trong tim trong óc anh.

Vào những năm năm 1992, 1993, 1994 anh đã về VN đến 5 lần, để tìm cách làm ăn, tìm cho anh một thị trường. Anh nói tôi về ngay khi họ kêu gọi đầu tư tư nhân, để giữ chỗ tốt. Anh kéo theo một người bạn Mỹ thích làm ăn buôn bán để đứng tên chung trong công ty T&Y Enterprises, Inc. để tránh nhiều bất trắc có thể xảy ra trong những ngày ở VN mà anh nghe nói đến thường xuyên. Công ty của ngoại quốc hay hợp doanh với ngoại quốc ít gặp khó dễ. Nhân viên tư vấn của tòa Đại Sứ VN viết thư

giới thiệu anh gặp nhân viên của Bộ Kinh Tế và Đầu Tư, lần đầu anh và James được một nhân viên kinh tế tiếp đón rất ân cần nhưng chỉ sau 5 phút nói vài câu xã giao, anh ta nói anh chủ sự rất bận, cả anh ta cũng không thể tiếp chúng tôi lâu mà hẹn chúng tôi tuần sau trở lại.

Tôi xin hẹn đúng ngày giờ của tuần tới, để trở lại. Tuần sau vừa bước vào văn phòng, anh Sanh, nhân viên, người đã tiếp anh lần trước đã đón anh và nói, anh chủ sự quá bận không thể gặp chúng tôi được mời chúng tôi tuần lễ tới trở lại thử xem sao. Chính nói tôi muốn đi lên nhưng phải cố lấy bình tĩnh để nói chúng tôi chỉ ở VN có 10 ngày để lo giấy tờ, thủ tục lập công ty và đưa vốn về làm ăn ở trong nước, nay đã hết 7 ngày rồi, anh Sanh làm ra vẻ cảm thông nỗi khó khăn của chúng tôi, chạy đi một hồi rồi trở lại cho hay các bạn có thể về Hotel nghỉ ngơi đến chiều sẽ có nhân viên cho biết giờ hẹn. Gần 5 giờ chiều, điện thoại reo, một nhân viên bộ Kinh Tế cho hay ông chủ sự chỉ có thể gặp chúng tôi tối nay ở nơi nào chúng tôi muốn, tôi ngạc nhiên về nơi họp mặt, khi tôi hỏi ở đâu thì anh ta nói nên họp tại nhà hàng ăn nơi có thể họp thoải mái như Rex, Renaissance, Daichi.... tôi trả lời chỗ nào cũng được. Anh ta hẹn sẽ gọi lại chừng 1 giờ sau cho chúng tôi một danh sách nhà hàng ăn lịch sự để chúng tôi chọn. Khi tới nhà hàng, anh Sang giới thiệu chúng tôi với anh chủ sự về đầu tư và bốn bạn đi theo của anh. Ngồi vào bàn ăn, tôi định mở cặp lấy tập hồ sơ công ty của tôi cho anh chủ sự xem và đặt một số câu hỏi, thì anh Sang gạt đi, nói cứ từ từ nhậu đã, thế là họ kêu rượu Cognac, Perrier và món ăn. Chuyện vào lời ra họ khen chúng tôi hết lời, chào mừng chúng tôi những người con yêu của tổ quốc, những người mang nặng què hương đi mọi ngả trên thế giới, mang hãnh

diện về cho VN, rồi mọi người thao thao khoe khoang tiến bộ vượt bậc của đất nước. Tôi thì quá chán ăn uống chỉ mong có dịp nói về công việc làm ăn, kinh doanh. Khi hai chai Cognac đã cạn và các chén đĩa hải sản đã sạch, năm người đã say xỉn, thì nhà hàng đưa cho chúng tôi tờ hoá đơn để trả tiền, tôi cảm thấy chóng mặt khi nhìn tờ giấy tính tiền bữa ăn, và tai thì ù lên khi nghe anh chủ sự nói hẹn chúng tôi vào dịp khác để thảo luận về các dự án làm ăn của chúng tôi. Dự án kinh doanh, đầu tư, theo anh, thì rắc rối phải tốn nhiều thời gian nghiên cứu, tranh luận, đúc kết đến thi hành. Hôm sau, anh Sang cho chúng tôi một số tài liệu chỉ dẫn về điều kiện, dự án, vốn tối thiểu vv.. và hẹn gặp lại. Chúng tôi trở lại VN lần hai sau chừng 4 tháng, các anh thuộc bộ Kinh Tế vẫn tiếp đón chúng tôi niềm nở, nhân sự có khác nhưng cũng vẫn một cung cách cũ. Sau 1 tuần lễ công việc không thấy tiến triển tuy chúng tôi đã quen thêm một số nhân vật mới. Sau lần thứ ba trở về VN, chúng tôi nạp thảo chương hoạt động của công ty, họ giục chúng tôi thuê văn phòng, thuê nhân viên do họ giới thiệu.

Trở về Hoa Kỳ, Chính nói tôi và James lo thu xếp tiền, gọi là vốn đầu tư, tôi phải bán nhà xe, gom góp mọi thứ có thể đổi thành tiền, James thì không có gì. Số vốn thu gom lên đến gần 100.000 đô la. Chúng tôi khai số vốn đầu tư sơ khởi là 200.000 đô la. Theo Sang và chủ sự phòng đầu tư, vốn coi như tạm được. Mọi thủ tục chúng tôi đã thông suốt, làm đầy đủ, chúng tôi nghỉ việc, bán nhà, hân hoan chuẩn bị lên đường bước vào thiên đường chủ nghĩa xã hội. Chúng tôi tin tưởng mãnh liệt mình sẽ thắng lớn, sẽ mở mắt họ qua tự do tư tưởng, nhân quyền trong tự do thương mại. Tính ra đi đi về về VN 4 bận đã ngốn mất của chúng tôi gần 30.000 đô chi phí và chi tiêu. Đến lần thứ

năm, chúng tôi bị cây đờ chặn lối đi, chúng tôi mới thấy là mọi sự tưởng như xong chỉ là bọt biển. Sang cho hay đến giai đoạn chót là lúc có thể lấy giấy phép, chúng tôi sẽ phải đưa cấp trên một số phong bì, tính bằng 25% số vốn đầu tư, còn dặn kỹ tiền đờ phải là tiền mặt, giấy loại gì... còn với các cấp dưới thì phong bì nhỏ hơn có thể du di được.

Nghe đến đây chúng tôi chỉ còn cách lẳng lặng rút, không còn biết mình sẽ về đâu, trở lại Mỹ, chúng tôi bắt đầu lại bằng gì, thế nào. Vợ tôi thông cảm cho tôi vì biết tôi say sưa làm thương mại mà tôi đã bỏ trên 10 năm để chuẩn bị. Chúng tôi đã vượt thoát khỏi thiên đường mà nhiều người sau này tôi nghe nói đã bỏ của mà không chạy thoát người.

Vài năm gần đây, Chính nói VN đã cố gắng chuyển đổi nền kinh tế thị trường tiến lên công nghệ, nhưng nạn tham nhũng, bè phái hoành hành quá rộng, quá trầm trọng, nhà nước thì để mặc cho tình trạng ăn cắp hối lộ tiếp diễn, không nhìn nhận những đánh giá đúng đắn của các chuyên gia. Việc kêu gọi đầu tư sẽ không đạt được kết quả như dự trù. Chính kể cho tôi nghe về công việc làm ăn dần thân của anh, là một bước đi hụt hẫng nữa của anh mà tôi không hiểu đó có phải là lời cuối của anh không? Anh còn kể cho tôi nhiều nữa về chuyện làm ăn, chuyện đến thăm người tình cũ, tất đều là cay đắng thất bại do chế độ độc tài đảng trị mà ra. Tôi hy vọng nhớ được hết và đúng lời anh kể. Tóm lại còn độc tôn, độc đảng, toàn trị thì những nạn quan liêu, phe phái, những lạm, không thể tránh khỏi. Đất nước VN phải đi vào kỷ nguyên của dân chủ, tự do thực sự, chế độ CS phải bị hủy diệt, chứ không còn khả năng vá vúi được nữa.

ĐỒ PHÚ (Virginia)

Vì em sống mãi trong tình thơ ta

Vài nét về ẩn dụ trong thơ Du Tử Lê

[Bài nói chuyện trong đại hội “Thu DC và Kỷ Niệm” tại Ernst Community Cultural Center NOVA, Annandale Campus 10/31/10 nhân dịp nhà thơ Du Tử Lê sang thăm miền Đông]

PHẠM TRỌNG LÊ

Thơ không những làm cái đẹp bất tử, mà còn gợi lại những kỷ niệm khó phai. Xin kể hầu quý vị một câu chuyện. Có một cô gái đơn mơn đào tơ, đang kén chồng. Có ba chàng trai cùng nhắm cô.

Chàng thứ nhất ví rằng:

*Ước gì anh hóa kiến vàng,
Bò lên bờ xuống má nàng ngắm chơi.*

Cô suy nghĩ lung lăm: chọn con kiến, cần kiệm, có óc tổ chức, chăm chỉ, siêng năng, có thể đem lại cho mình một cuộc đời no ấm. Còn chàng trai ví mình như con kiến cũng khéo lắm: Còn có vị trí nào hấp dẫn hơn: anh đứng trên má nàng, nhìn đôi mắt nàng, gò má cao, sống mũi dọc dừa, làn môi mọng đỏ, chiếc cằm nhọn, mái tóc dài...Mà anh cũng khá can đảm: bò trên má nàng; rùi nàng thấy ngứa, bàn tay búp măng đập mạnh vào má, “*Cái con kiến này, ở đâu mà dám leo lên tận đây đứng...?*”

Tình yêu làm người ta bạo dạn, liều lĩnh.
Yêu nhau tam tứ núi cũng trèo/thất bát giang cũng lội, tam thập lục đèo cũng qua.

Trong lúc cô gái nghe và có vẻ xiêu lòng, thì anh thứ hai đọc:

*Ước anh hóa ra dơi,
Bay lên đáp xuống giữa nơi nàng nằm.*

Con dơi tượng trưng sức mạnh. Dù không nhìn thấy gì trong đêm tối mà vì nó có một hệ thống ra-đa nên biết trước mặt có bức tường nào chắn không. Nó bay vào phòng riêng của nàng, nơi nàng thấy thoải mái nhất. Nó lại biết đậu dọc đầu xuống đất để nhìn thân hình kiêu mị của nàng từ một góc cạnh đặc biệt như một nhà nhiếp ảnh nghệ thuật.

Cô chọn chàng *gymnast* này chăng?

Anh thứ ba ngâm rằng:

*Ước gì anh hóa ra tằm,
Nhả tơ dệt lụa đêm nằm... mí em*

Quý vị, nếu có dịp ở nhà quê Bắc Việt, thì thấy bên ngoài đường cái có những cánh đồng dâu chạy dọc theo đê. Một số nhà trồng dâu để nuôi tằm. Những con ngài kết hợp với nhau, rồi đẻ ra nhiều trứng. Trứng đó nở thành những con tằm nhỏ. Người trồng dâu phải rắc dâu thái nhỏ lên những cái nong, tằm ăn dâu rồi leo lên trên, người trồng dâu phải thay dâu mới (“*án như tằm ăn rỗi*”). Tằm lớn dần, người trồng dâu đem tằm ra những khung tre có rắc rơm để những con tằm bắt đầu kéo kén. Lúc đầu cái kén còn mỏng, sau dần dần dày và có màu vàng óng. Người nuôi tằm nhặt những con kén bỏ vào rổ, đem thả vào nồi nước sôi, dùng đũa dài kéo sợi, và

cuộn thành cuộn sợi lụa. Sau đó người dệt vải mới dệt lụa đó thành những tấm lụa để may áo, thứ tơ mỏng, mềm, mịn, và mượt. Thứ tưởng tượng từ lúc tầm nhả tơ thành lụa dệt áo, may áo cho người con gái, người con gái mặc chiếc áo mỏng; thế thì có phải lúc đó chàng trai—hay nói đúng hơn là con tầm—đã nhả hết tơ để dệt thành lụa. Dù chết rồi mà vẫn còn được gần người đẹp, nghe tiếng tim nàng thổn thức... Nhà thơ cũng như con tầm nhả tơ. “Vất nào làm thơ cống hiến đời/Nhưng đời nào hiểu tưởng trò chơi.” (1)

Cách đây hơn 400 năm có một thi sĩ cũng ví người đẹp trong một bài tình thi:

Em có muốn ta ví em như mùa hạ chăng?
Không, em đẹp và dịu hiền hơn nhiều. Những
con gió mạnh thảng năm làm rụng những nụ
hoa đáng yêu. Và mùa hạ thì ngắn ngủi quá.
Đôi lúc mặt trời nóng quá, rồi bị mây che đi;
và mọi vật xinh đẹp rồi cũng tàn vì rui ro hay
vì định mệnh thiên nhiên an bài. Nhưng về
thanh xuân của em không bao giờ phai nhạt.
Em cũng chẳng bao giờ mất vẻ đẹp vĩnh cửu
em có. **Mà thần chết chẳng thể khoe
khoang sẽ đưa em vào bóng tối của nó, vì
những giòong thơ bắt từ cửa ta sẽ làm em
sống mãi. Ngày nào con người còn thở, mắt
còn trông được, ngày nào bài thơ này còn
thì ngày đó vẻ đẹp của em mà ta mô tả sẽ
mãi mãi nằm trong đó và em sẽ sống mãi.**
Đó là bài thứ 18 trong tập Sonnets 154 bài
của nhà thơ Anh William Shakespeare. Tôi
xin đọc hầu quý vị bài thơ đó và chuyển sang
văn vần:

Sonnet 18

Shall I compare thee to a summer's day?
Thou art more lovely and more temperate:
Rough winds do shake the darling buds of May,
And summer's lease hath all too short a date:
Sometime too hot the eye of heaven shines
And often is his gold complexion dimm'd;

And every fair from fair sometimes declines,
By chance or nature's changing course untrimm'd;
By thy eternal summer shall not fade,
Nor lose possession of that fair thou ow'st;
Nor shall Death brag thou wander'st in his shade,
When in eternal lines to time thou grow'st:
So long as men can breathe or eyes can see,
So long lives this and this gives life to thee.

*Muốn ta ví em như ngày hạ?
Vẻ xinh tươi óng ả khôn tây.
Gió ào rung nụ hây hây
Ngày hè ngắn ngủi không đầy vóc tay.
Cũng có buổi gặp ngày nắng gắt,
Ánh nắng vàng hắt mờ đi
Vẻ tươi nhưng cũng có thì,
Vận trời thay đổi không dè chẳng đời
Nhưng mùa hạ nơi em bất diệt,
Vẻ mi diệu tuyệt đẹp tuyệt xinh.
Từ thần chẳng dám dụ mình
Vì em sống mãi trong tình thơ ta
Còn người còn kẻ ngâm nga,
Vần thơ trác tuyệt nét hoa ngàn đời.*
(PTL dịch)

Khoảng năm 1969, hay 1970, có người con gái được mô tả trong bài *Khúc Thuy Du* của nhà thơ Du Tử Lê do Anh Bằng phổ nhạc, hay sau này trong bài *Trên Ngọn Tình Sầu* (mà tựa đề gốc là *67 Khúc thêm cho Huyền Châu*) do Từ Công Phụng phổ nhạc—qua 40 năm, bây giờ mỗi khi nghe lại, thính giả vẫn thấy nổi da diết của một cuộc tình yêu không trọn vẹn. Như vậy, có thể qua những vần thơ, người con gái không già, sẽ sống mãi. Vì mỗi khi người đọc đọc lại vần thơ, nghe lại nhiều lần, hay—lát nữa đây-- nghe ca sĩ Ý Lan hát bài nhạc, ta cảm thấy một khao khát, nổi xúc động trong tâm trí như muốn sống lại kinh nghiệm thể xác và trí tuệ của câu thơ.



Ấn dụ:

tôi là chim Bói Cá
em là ánh trăng ngà
chỉ cách một mặt hồ
mà muôn trùng chia xa

(*Khúc Thuy Du*—Anh Bằng phổ thơ DTL)

Nhà nhạc sĩ dùng ý thơ của thi sĩ, cùng một lúc, tả hai hình ảnh: một hình ảnh động là chim Bói Cá, một hình ảnh tĩnh là ánh trăng ngà tương phản để cực tả sự xa cách tâm lý và vật lý của hai người.



Chim Bói cá : Chim sống ở gần nước, mỏ dài, lông xanh cánh cam, ngực nâu, hay nhào xuống nước để bắt cá (kingfisher).

Ánh trăng ngà: màu ngà, ngà voi; *cổ tay em trắng như ngà/ con mắt em liếc như là dao cau.*

Đoạn kể phổ từ bài thơ 5 câu dùng 7 ấn dụ.

Tôi nghe hắt hiu từ mắt em ngát tạnh

Con đế buồn tự tử giữa đêm sương?

Bầy sẻ cũ cũng qua đời lặng lẽ

Em ở đó **bờ sông** còn **ám cát**

Con **sóng tình vô** mãi một **âm quên**.

(*Trên ngọn tình sầu*--Từ Công Phụng phổ thơ DTL)

Hắt hiu, trong bài thơ gốc là hiu hắt: yếu ớt mong manh, mờ nhạt, buồn man mác, vắng lặng. Như trong câu «*Ngọn đèn dầu hiu hắt giữa đêm khuya.*» Nghe hai âm /h/ phát ra nhẹ nhẹ lặp lại... ta có cảm giác gì? hắt hiu: 2 âm đầu lặp lại alliteration; lặng lẽ, điệp âm đầu.

Ngát tạnh

Ngát tả mùi thơm. Thơm ngát.

Tạnh: Như trong khóm từ Trời quang mây tạnh

Tanh: ngừng hoặc dứt hẳn

Có gọi cho ta chữ **lạnh ngắt**? Ngát tạnh, chữ thứ nhất dùng dấu cao nhất (dấu sắc), chữ thứ hai dùng dấu nặng (là dấu thấp nhất) có cho người đọc kinh nghiệm những phút sung sướng (điểm cao nhất) và nỗi chua xót (nốt thấp nhất)-- của tình yêu? Người nhạc sĩ, và người ca sĩ diễn tả bao nhiêu ý trong bài thơ? Có làm bài thơ dễ hiểu hơn không?

Mỗi từ hay nhóm chữ dùng—mà ở đây có ít nhất 7 ấn dụ--như một tầng màu của một họa sĩ siêu thực. Nhà phê bình Đỗ Quý Toàn nói: những từ ngữ «*đứng một mình có một nghĩa thường dễ hiểu, khi để gần nhau cho người đọc một ý nghĩa khác, một ấn tượng khác, một cảm xúc khác.*» Ông cũng hỏi «*Ngát tạnh*» là xúc giác hay thính giác?

Em ở đó bờ sông còn ám át

Con sóng tình vô mãi một âm quên.

Nhân vật nam muốn quên mà tình cũ còn khắc khoải chẳng. Hay nhân vật nam hỏi

nhân vật nữ có nhớ kỷ niệm hai chúng ta ngồi bên bờ sông...Mới đây thôi... cát còn ấm trong khi nổi nhưng nhớ của mỗi sậu tương tự cứ dào dạt dâng lên như những cơn sóng vỗ vào vách đá.

con đé mèn: hát sẩm không tiền/nên nghèo xác xơ. Tuổi thơ không còn nữa. Tiếng đé kêu tượng trưng gì?

Plato tả những nữ thi thần khi có những bài ca thì mê hát quên cả ăn bị đói là mà chết; khi chết hồn thành những con đé mèn. Họ đem những lời ca cho đời trước khi chết.

5 câu thơ trên gợi những hình ảnh và âm thanh mà cảm xúc của thính giác, xúc giác và khứu giác làm sống lại ký ức của hai kẻ một thời yêu nhau.

Tôi bắt đầu câu chuyện bằng ba chàng trai cùng yêu một người đẹp. Chàng nào sẽ được nàng chọn? Tôi thấy không cần biết. Chỉ biết theo lời thơ của bài tình thi, người thơ ngụ ý «vì em sống mãi trong tình thơ ta» - in my poem you are immortal. Những lời bàn về ẩn dụ (metaphors)-- tôi thấy trở nên khô khan-- nhưng lát nữa đây, nhờ giọng ca của các ca sĩ hữu danh, quý vị sẽ thấy những lời thơ phổ nhạc thấm vào lòng mình nhanh hơn--dẫu rằng, lúc bình thường, dùng lý trí để phân tích bằng lời những ẩn dụ xem ra khó hiểu cũng là một việc cần thiết cho việc tìm hiểu bài thơ.--PTL

(1) Trong bài « Tâm Trạng Thi Nhân » của Tô Giang Tử, trong Tuyển Tập Thi Phẩm.

BÀI THƠ THỨ MƯỜI

Đốt trái tim, cúi đầu chào người trong ảnh
Không gọi em là tiên, ta vẫn biết em trần tục
Để được thấy rằng em rất gần gũi
Như chính linh hồn ta

Nhớ một thời cắp sách đến trường
Áo trắng nữ sinh Đồng Khánh
Cầu Trường Tiền những chiều gió lộng
Tà áo em bay như một dáng liễu trai

Nhớ một thời guốc son qua phố
Cặp sách đen, phượng vĩ đỏ, em như tuyết
Ước gì ta được bàn tay của Trời
Vẽ lên trái tim ta, chân dung em, diễm tuyệt

Nhớ một thời, trong cặp, giấu trái me chua
Tưởng tượng thôi, em đã làm ta thèm khát bóng
Nhớ một thời trong vở, em chép thơ tình
Tưởng tượng thôi
em đã làm ta muốn trở thành thi sĩ

Nhớ một thời, nhớ một thời, nhớ một thời
Vàng son, vàng son, phai nhạt
Nhớ một thời, nhớ một thời, nhớ một thời
Thôi quên đi, hỡi em, tình này đã đủ.

Lê Mai Lĩnh
(Pennsylvania)

HÀ NỘI BUỔI ĐẦU THỜI PHÁP THUỘC

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

Sau khi thôn tính Nam kỳ Lục tỉnh (1867), Pháp tiếp tục gây áp lực quân sự lên triều đình Huế. Họ luôn nuôi mộng mở rộng thuộc địa, nhất là ở đất Bắc, cửa ngõ lên Vân Nam, một thị trường béo bở. Lợi dụng việc nhà cầm quyền Việt Nam ngăn cản đoàn tàu của Jean Dupuis chở hàng cấm và lưu thông bất hợp pháp trên sông Hồng, Pháp mang quân đến Hà Nội với danh nghĩa hòa giải tranh chấp. Chiếm được Hà Nội năm 1883, họ dùng thành phố này làm căn cứ xuất phát để tung quân chiếm trọn Bắc Kỳ. Hà Nội biến chuyển từ một đô thị cổ kính Đông phương sang một thành phố thuộc địa. Chúng ta thử xem bản phác họa giai đoạn lịch sử đó và dạo quanh Hà Nội qua một vài kiến trúc thuộc địa tiêu biểu.

THÀNH HÀ NỘI TRƯỚC NGÀY KHÓI LỬA

Vào năm 1805, đời Gia Long, tường Thành Thăng Long bị san bằng, thay thế bởi một thành mới, kích thước nhỏ hơn. Thành này xây theo kiểu Vauban, hình vuông, mỗi cạnh khoảng 1 km, bốn góc là pháo đài mũi nhọn. Mỗi cạnh còn có hai pháo đài nhô ra, khiến cho bờ tường chạy ngoằn ngoèo. Tường cao 5 m, chân tường cách chiến hào 6 đến 7 m. Hào sâu 5 m, rộng 15 đến 18 m, bờ trong xây bằng đá gạch, bờ ngoài đắp đất. Lối ra vào thành là cửa vòm uốn vòng cung. Ở mỗi mặt tây, bắc và đông có một cửa, mặt nam có hai cửa. Ngay trước mỗi cửa, chiếc cầu đá bắc qua hào nước đưa sang lũy bán nguyệt, đứng chắn bên ngoài như tấm bình phong.

Trong thành nội, giữa vùng vườn, ruộng, ao hồ, ta phân biệt ba cụm kiến trúc: Điện Kính Thiên và Cột Cờ ở chính giữa, các nhà kho của tỉnh thành ở phía tây, tư dinh và nhiệm sở của các quan lại ở phía đông. Nhà Lê xây điện Kính Thiên trên núi Nùng, nơi hoàng cung cũ của nhiều triều đại nối tiếp nhau từ đời Lý Thái Tổ. Bên trong có những hàng cột cao bằng gỗ lim, to hơn một vòng tay. Phía trước có đôi rồng đá đuổi mình nằm chầu trên chín bậc thang dẫn lên thềm điện. Vòng tường bao quanh khá nguyên vẹn, phía nam có Đuan Môn gồm năm cửa, dẫn vào sân rộng trước điện.

Cột Cờ là ngọn tháp tám mặt, xây vào đời Gia Long (1812), đứng ngạo nghễ phía nam điện Kính Thiên, bên trên một gò đất cổ. Phần chân tháp gồm ba bậc thềm hình vuông, nhỏ dần từ dưới lên trên như kim tự tháp. Bề cạnh thềm dưới cùng đo được 42 m, bề cạnh thềm cao nhất đo được 15 m. Cửa phía bắc nơi thềm thứ nhì bị mái hiên xây lấp, ba cửa còn lại khắc các chữ Hán: Nghênh Húc (Đón ánh nắng mai) ở phía đông, Hướng Minh (Quay về ánh sáng) ở phía nam, Hồi Quang (Ánh sáng phản chiếu lại) ở phía tây. Đến bậc thềm thứ ba, ta vào chiếc cửa trên khắc hai chữ « Kỳ đài », bên trong thấy hai cầu thang biệt lập nhau nhưng cùng xoắn tròn ốc đưa lên đỉnh tháp, cách mặt đất khoảng 60 mét. Không xa Cột Cờ, đền Bà Liễu Hạnh nép mình dưới tán cây đa xum xuê cành lá và hồ Voi, nơi các quân tượng dẫn voi đến tắm, sau này là Vườn hoa Canh Nông.

Khu vực phía tây thành nội, khoảng Trường Albert Sarraut sau này, là công khổ, chung quanh có hào nước, trong có hai kho lớn: Kho tiền chứa nén bạc, tiền kẽm. Kho chứa thóc để cung cấp lương bổng cho một số quan lại hoặc phân phát cho bá tánh trong thời kỳ đói kém. Các kho ấy đều do quan Bộ chính cai quản, có nhiệm sở đặt ở gần Cửa Tây. Gần đấy ta còn gặp: Tịch Điền (nơi vua quan làm lễ cúng Thần Nông và lễ cày ruộng), Võ Miếu (đền thờ các anh hùng liệt sĩ).

Khu vực phía đông thành nội là nơi tập trung dinh sở các quan tổng đốc, tuần phủ...

Năm 1831, Tỉnh Hà Nội thay thế Bắc Thành, chức tổng đốc thay cho tổng trấn. Tường thành sửa lại cho thấp hơn. Cửa Tây và Cửa Đông Nam đóng kín. Tòa thành Hà Nội không chỉ là pháo đài để phòng giữ đất Bắc, mà còn là nơi tập trung những trụ sở hành chính của một tỉnh lớn. Toàn bộ kiến trúc của thành Hà Nội là một hệ thống phòng ngự hữu hiệu nếu được trang bị những cỗ pháo hiện đại. Khi thành bị Pháp tấn công, đại bác từ bên trong bắn trả nhưng không tới tàu Pháp đậu ngoài sông, một số rơi vào khu dân cư đông đúc.

JEAN DUPUIS VÀ KHU PHỐ PHƯỜNG

Xuất hành từ Hương Cảng ngày 26-10-1872, trên hai tiểu pháo hạm, một xà-lúp và một thuyền mảnh to, 25 người Tây phương và 150 người Trung Hoa hộ tống rất nhiều súng ống, đạn dược. Đó là hàng hóa mà Dupuis phải giao cho Thống chế Mã, Tổng đốc Vân Nam, vì ông này cần mua vũ khí để dập tắt các cuộc khởi nghĩa. Dupuis bất chấp luật lệ, xâm nhập hải phận Việt Nam, đoàn tàu của ông ta len lỏi trong các sông ngòi, ngày 22-12-1872, đến thả neo dọc bên sông thành Hà Nội. Hôm sau được các thương gia Hoa kiều tiếp đón tại Hội quán trên Phố Hàng Buồm.

Sau ngày 18-01-1873, Dupuis theo Sông Hồng lên Vân Nam để giao súng đạn cho nhà cầm quyền Trung Hoa. Ngày 30-04, Dupuis về đến Hà Nội dẫn theo 150 lính Cờ Vàng, trang bị

súng Pháp, mặc quân phục màu cam có viền đen. Đây là hành động trịch thượng của Dupuis vì đã đưa quân đội ngoại quốc vào Việt Nam. Ngày 02-05, Dupuis mang cả đoàn tùy tùng này lên bờ, đồn trú trong ngôi nhà gần ngã tư Hàng Chiếu-Hàng Giấy. Còn đạn dược, hỏa pháo chất chứa trong ngôi nhà khác, khu vực giữa các Phố Hàng Chiếu và An sát Siêu, gần sông Tô Lịch. Đê phòng ngừa kho đạn này bị phá hoại, một vọng lâu được xây cao hơn hẳn các nhà chung quanh, ban đêm có hai người canh gác.

Ngày 27-05, Khâm mạng Nguyễn Tri Phương đến Hà Nội, ra yết thị: cấm dân chúng liên lạc và buôn bán với người Âu. Dupuis và đồng bọn được yêu cầu rời Hà Nội. Hấn đáp trả bằng những hành động khiêu khích như xé các tờ yết thị, hành hung hay bắt giam các quan ta.

Toàn quyền Nam Kỳ là đô đốc Dupré cử Đại úy Francis Garnier dẫn đội quân khoảng 200 người đến Hà Nội để điều tra vụ tranh chấp với lý do là bảo vệ kiều dân mình.

Bên ngoài cửa ô Thanh Hà (nay là ô Quan Chưởng) có một bến cho thuyền đò đến buôn bán. Ngày 05-11-1873, Garnier đổ bộ ở bến này, nhưng đặt biệt có lính Cờ Vàng của Dupuis chính tề đứng đón. Về sau đám quân này tiếp tay với Garnier đánh chiếm thành Hà Nội và đóng vai trò cảnh sát trong khu phố thương mại.

HÀ THÀNH THẮT THỦ LẦN THỨ NHẤT

Đến Hà Nội, Garnier đòi hỏi là đội quân do ông ta cầm đầu phải được bảo đảm an toàn, và cho rằng nơi đóng quân an toàn nhất là bên trong tòa thành. Chính quyền Việt Nam đề nghị cho ông ta và binh sĩ trú ngụ tại Công Quán (hội quán Hoa kiều) trong khu phố phường. Garnier không hài lòng, nêu ra lý lẽ: Đoàn quân trăm người và các cỗ trọng pháo chen chúc nhau trong một nhà trọ, giữa khu đường phố nhiều người qua lại, rất khó đánh trả khi bị tấn công (thời ấy quân Cờ Đen đã có mặt tại Hà Nội). Hơn nữa, không có cách gì tách riêng lính Pháp với dân chúng nên rất khó duy trì kỷ luật. Garnier đem nửa toán quân vào thành gặp nhà

cầm quyền Việt Nam để phản đối. Hai bên đi đến thỏa thuận là quân Pháp sẽ đóng trong Trường Thi, tuy rằng nơi này chỉ có tường thấp và hào cạn bao quanh. Tổng đốc Hà Nội cho ba, bốn trăm người ra tay giúp quân Pháp dọn vào những ngôi nhà thật rộng rãi, chỉ thiếu tiện nghi ở chỗ ngủ, nơi nấu ăn.

Trường Thi lập ra từ đời Lê, trên khu đất hình chữ nhật, tường gạch vây quanh, bề dài khoảng 200 m, bề rộng khoảng 100 m. Theo vị trí hiện nay, phía bắc giáp phố Tràng Thi, tây giáp phố Triệu Quốc Đạt, đông giáp phố Quang Trung, nam ở khoảng Tòa án. Bên trong Trường Thi chia làm hai phần. Phần dành cho thí sinh dựng lều chõng là khoảng đất trống, chỉ có ngôi nhà nhỏ ở chính giữa. Phần dành cho các giám khảo gồm nhiều ngôi nhà làm nơi chấm thi, có cửa thông qua phần của thí sinh. Giữa các kỳ thi, đất bỏ trống để cho dân trồng trọt hoa màu, hoặc dùng vào việc khác như phân phát gạo cho người nghèo khổ trong thời kỳ đói kém.

Đóng quân tại Trường Thi được nửa tháng, ngày 19-11-1873, Garnier ngang nhiên ban bố việc thông thương tự do trên sông Hồng, rồi gửi tới hậu thư cho Tổng đốc Hà Nội buộc phải nộp thành. Sáng sớm ngày 20-11-1873, bất thần xuất quân, chỉ để lại bảy, tám người ở lại giữ trại lính trong Trường Thi. Nhờ có đại bác từ các tàu chiến đậu ngoài sông bắn yểm trợ vào ba mặt thành phía tây, bắc và đông, các cánh quân của Garnier đánh vào phía nam. Sau vài giờ thành thất thủ. Chiều hôm ấy Garnier đóng quân trong điện Kính Thiên, dùng hằng trăm tù binh đem tất cả quân trang quân dụng từ Trường Thi vào trong thành. Không chần chừ, Garnier tức khắc đặt nền hành chính Bảo hộ. Khâm mạng Nguyễn Tri Phương bị thương nặng, ông nhịn ăn, không cho Pháp băng bó vết thương, can đảm chịu đựng đau đớn suốt một tháng, ông mất ngày 22-12-1873.

Francis Garnier chiếm giữ Hà Nội chưa bao lâu, vào ngày 21-12-1873, đang đợi hai vị sứ thần của Triều đình Huế là Trần Đình Túc và Nguyễn Trọng Hiệp đến mở đầu đàm phán hầu

ký kết hòa ước thì có tin quân Cờ Đen xuất hiện, khai hỏa phía Cửa Tây Nam. Garnier cho bắn trả đẩy lui quân Cờ Đen, rồi xuất quân đuổi theo nhưng bị phục kích giết chết trên đê Giảng Võ. Thi thể của ông ta được chôn trong thành Hà Nội, dưới gốc hai cây đa gần điện Kính Thiên, hai năm sau cải táng về nghĩa địa Pháp ở phía Nam Đồn Thủy. Cái chết của Garnier đã làm cho đoàn quân viễn chinh khựng bước trong mười năm.

NHUỢNG ĐỊA PHÁP

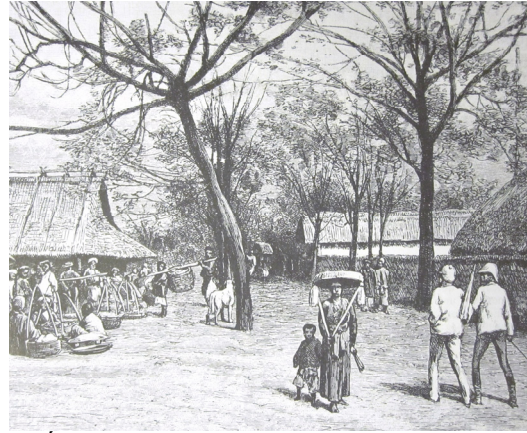
Tại Hà Nội, đầu năm 1874, Philastre ký với Nguyễn Văn Tường các thỏa ước để giải quyết những bế tắc ở Bắc Kỳ. Hai bên đồng ý: Pháp rút quân khỏi Hà Nội và châu thổ sông Hồng. Dupuis bị buộc phải rời Hà Nội. Chính quyền Việt Nam nhượng cho Pháp một khoảnh đất gần bờ sông để lập nơi cư trú cho viên công sứ và đoàn tùy tùng. Khu đất này phải gần nơi các thương gia Pháp có thể đến kinh doanh sau khi hòa ước chính thức được ký kết tại Sài Gòn.



Khu nhượng địa nhìn từ Sông Hồng (1883)

Pháp rút quân khỏi Hà Nội, Đô đốc Krantz bổ nhiệm Trung úy Rheinart ở lại làm công sứ, với đoàn hộ tống gồm 40 người. Việt Nam và Pháp mất thêm 18 tháng đàm phán để thỏa thuận về nơi xây nhượng địa. Đô đốc Krantz yêu cầu Rheinart lập họa đồ thành phố Hà Nội với các chỉ dẫn về nơi thích hợp nhất. Rheinart đề nghị nên chọn khu đất ở giữa phố Lò Sũ và phố Hàng Khảm, từ bờ sông đến đê ngăn lũ, tức khu vực phía đông của hồ Gươm. Đô đốc Krantz lại cử Thiệu tá Dujardin đến Hà Nội

ngày 31-10-1874, hầu thượng thuyết với hai vị đại diện triều đình là Tổng đốc Trần Đình Túc và Phó sứ Nguyễn Văn Tường về việc cấp đất mà Pháp đã lựa chọn. Đại diện chính quyền Việt Nam nêu ra nhiều cơ để bác bỏ yêu cầu của Pháp: đây là khu vực đông dân, lại còn nhiều công trường xây dựng đang hoạt động, bẽ bộn những vựa gỗ, vựa tre nữa. Nếu đuổi dân đi nơi khác để lấy đất thì phải bồi thường rất tốn kém. Hơn nữa đây là vùng đất thấp, mỗi năm nước lũ tràn đầy suốt hai tháng, không thích hợp cho người Pháp. Bù lại, triều đình ta đề nghị một nơi khác, xa về phía nam, đó là mảnh đất trong Đồn Thủy, một pháo đài bảo vệ Hà Nội lúc trước, nay bị bỏ hoang. Công sự phòng thủ này còn lại những ụ, những bờ tường thấp đã đổ nát hoang tàn, xưa kia dùng chặn đứng quân địch theo đường sông qua đây định vây hãm Hà Nội. Khi đề nghị mảnh đất bên trong Đồn Thủy (Pháp gọi là Fort du Sud), trước tiên chính quyền Việt Nam nghĩ rằng cho Pháp lập một nhượng địa càng xa trung tâm Hà Nội càng tốt, chứ không định cho họ khu đất có ưu điểm nào. Về phần Thiếu tá Dujardin, khi đến tận Đồn Thủy để quan sát, ông nhìn nhận là những phản đối của các quan ta là có căn cứ vì Đồn Thủy cao ráo hơn vùng phía đông của hồ Gươm.



Phố chính trong nhượng địa (1884)

Đô đốc Duperré (người thay thế Krantz) chấp nhận khu nhượng địa này, gửi Trung tá Varaigne, giám đốc công binh, ra Bắc giải quyết mọi thủ tục và lập bình đồ cho những dinh thự sắp xây. Ngày 11-01-1875, một thỏa ước được ký kết giữa Varaigne và Tổng đốc Trần Đình Túc, ấn định giới hạn khu đất dành thiết lập những dinh thự của Pháp, sau này nếu cần thiết có thể mở rộng về phía hạ lưu Sông Hồng. Vị đại diện Nam triều hài lòng vì không những Pháp chấp thuận đề nghị lại còn xác nhận chỉ mở rộng nhượng địa về hướng nam, tức là càng ra xa trung tâm Hà Nội.

Sự chọn lựa nơi lập nhượng địa ảnh hưởng đến sự phát triển về sau của Thành phố Hà Nội. Nếu nhượng địa được chọn xây ở nơi đã ấn định từ lúc đầu, tức là trên bờ phía đông của hồ Gươm, thì trục trung tâm của khu phố Tây cũng bị dời theo hướng đó và bản đồ Hà Nội có lẽ khác hẳn những gì chúng ta thấy ngày nay.

Theo dự định lúc đầu, nhượng địa là mảnh đất khoảng 2 héc-ta rưỡi. Sau nhiều lần điều đình, Pháp chiếm trọn Đồn Thủy, 18 héc-ta và thêm 1 héc-ta bên ngoài để xây nghĩa địa. Đồn Thủy là một tòa thành nhỏ, có dạng chữ nhật, dài và rộng ước chừng 600 và 300 m. Giới hạn phía bắc là con đường hẹp đi từ bờ sông lên đến cửa ô Trường Long, nay là đoạn đầu phố Tràng Tiền. Phía tây giáp đường đê vốn là bức tường



Cổng đồn gác vào nhượng địa (1884)

cũ phía đông Thành Thăng Long, tương ứng với Phố Lê Thánh Tông. Bên trong đê còn nhiều đầm lầy và hồ ao, nơi mấy thập niên sau mọc lên Trường Đại học, Nhà Hát Lớn. Phía đông là phần chạy dọc bờ sông, trên bờ tường của đồn cũ gồm bốn pháo đài nhô ra ngoài. Phía nam cũng là con đường đất hẹp, ở khoảng tháp nước Đồn Thủy ngày nay. Bên trong Đồn Thủy có hai đường chạy song song, trồng cây, nằm theo hướng bắc nam, đường phía đông sau này là phố Phạm Ngũ Lão.

Trong thời gian tìm đất cho nhượng địa, phái đoàn của Công sứ Rheinart trú ngụ tại bốn căn nhà kề nhau, trong khu phố phường. Hoàn cảnh của họ cũng vất vả không kém đoàn buôn của Dupuis lúc trước. Nhà gỗ chật chội, âm thấp, thiếu ánh sáng. Lên gác phải trèo thang tre. Thực ra trong Trường Thi có chỗ an toàn cho họ, nhưng Philastre muốn « tỏ thiện chí » với chính quyền Việt Nam, nên đề nghị phái đoàn Pháp đặt tòa công sứ trong khu phố phường. Tuy sống giữa nơi đông đúc nhưng họ luôn sợ hãi trước sự căm thù của dân chúng và họa đột kích của quân Cờ Đen. Rheinart xin viện quân nhưng không được toại nguyện, ông ta lo sợ, cả phái đoàn rút về Hải Phòng ngày 21-05-1874, sau khoảng bốn tháng ở Hà Nội. Suốt một năm trời tiếp theo, mọi hoạt động của Pháp chỉ tập trung tại Hải Phòng. Năm sau Lãnh sự De Kergaradec đến Hà Nội.



Đường đi bên trong cửa Đông nay là Phố Lý Nam Đế (1889)

Ngày 21-04-1875, Pháp ra nghị định bổ nhiệm một ủy ban lo việc mướn phòng ốc cần thiết làm nơi tạm trú cho De Kergaradec và đoàn tùy tùng. Ủy ban này đã tìm ra Trường Thi đang bỏ trống, khu đất có tường bao quanh mấy ngôi nhà rộng. Theo thỏa ước Việt-Pháp, đoàn lãnh sự được quyền sử dụng Trường Thi đến cuối năm 1876, và có thể gia hạn nếu việc xây dựng các công thự trong khu nhượng địa chưa hoàn tất. Trong khi các sĩ quan chỉ huy toán binh Pháp lo việc phòng thủ và sửa sang Trường Thi, Lãnh sự De Kergaradec theo đuổi việc thương thuyết về vấn đề nhượng địa.



Rue de la Concession, nay là phố Phạm Ngũ Lão nhìn về phía nam. toà nhà bên phải là Nhà Địa dư (Khoảng 1905)

Điều trở trêu là Tổng đốc Trần Đình Túc và Tuần phủ Trần Hy Tăng quyết định giữ đúng lệ kỳ thi hương diễn ra tại Trường Thi vào tháng 11 năm 1876. Thấy sự lưu trú kéo dài của phái đoàn lãnh sự là một trở ngại cho việc tổ chức thi cử, các quan ta đề nghị Pháp phải giao trả Trường Thi sáu tháng trước thời hạn đã thỏa thuận. Biết rõ việc thi cử là một sự kiện rất quan trọng đối với dân tộc Việt Nam, De Kergaradec chộp thời cơ, thương thuyết để được phần lợi: Pháp sẽ trả lại Trường Thi trước kỳ hạn nếu được hưởng toàn bộ Đồn Thủy chứ không chỉ hai héc-ta rưỡi như đã ký kết trước đây. Các quan ta nhượng bộ dễ dàng, trao cho Pháp khu đất to gấp bảy lần diện tích đã quy định trước!

Quân Pháp rút khỏi Trường Thi trước kỳ hạn (15-10-1876). Tháng sau, kỳ thi hương được tổ chức bình thường, khoảng bốn, năm ngàn sĩ tử khắp nơi đổ về ứng thí. Sau thi hương, lại diễn ra thi võ, vào khoảng tháng 01-1877, gồm cử tạ, đấu gươm, bắn cung, vấn đáp về chiến thuật. Kỳ thi hương kế tiếp được tổ chức vào năm 1879, hơn bảy ngàn thí sinh đến tham dự.

Lãnh sự De Kergaradec đến nhượng địa tiếp nhận dinh sở mới vào ngày 15-10-1876 (và tiếp tục nhiệm kỳ đến cuối năm 1882). Trong suốt

« Thời kỳ lãnh sự » (1875-1882), nơi duy nhất Pháp còn đặt đại diện trong khu phố phường là Văn phòng Thuế quan Việt-Pháp, gần cửa ô Thanh Hà, nhưng họ thu chẳng được bao nhiêu vì triều đình đã mở các trạm thuế chận trên thượng nguồn. Tổ chức thương mại của Pháp cũng bị tê liệt vì các sản phẩm như gạo, tơ lụa bị chính quyền Việt Nam cấm xuất cảng.

(Còn tiếp)

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH
(Paris)

NHỚ BẮC

Trời se lạnh, gió từng cơn nhớ Bắc
Mưa phùn bay dằng dặc suốt chiều Đông
Gốc rạ thơm ngậy ngát cả hương đồng
Dòng sông nhỏ uốn mình xanh cỏ ướt
Lũy tre vàng run run trong giá buốt
Quán bên đường heo hút mái chên vênh
Bóng đĩa xưa xõa tóc cạnh sân đình
Giếng nước cũ còn in chùa ngói đỏ?
Bờ đê dài và cong như cánh nỏ,
Mũi tên thần, con đường cái quan xa
Chiếc cầu tre mấy nhịp bước ai qua?
Hồ nước cũ hạ thơm nồng sen thắm
Đường về thôn gạch nghiêng chừ đã rạn?
Vườn nhà ai cải Tết đã lên vòng?
Gái làng xinh, khăn mỏ quạ chiều Đông
Răng nhánh hạt na, môi hồng cắn chỉ?
Cô hàng xén chợ chiều hôm bước nhẹ
Con trâu già gặm cỏ dưới chân đê
Sáo mục đồng réo rắt mảnh hồn quê
Vàng mây bạc hàng nối hàng xa thẳm
Đom đóm ao bèo giắc tình chữu nặng
Hàng giậu thưa run cánh mỏng chuồn chuồn
Chiều ve sầu và tối tối ếch ương
Màu hoa gạo, một chút mùi cỏ dại

Chút phán phân trâu nòng nân thân ái
Một hồn chiều mưa bắc thổi xa xăm
Lòng băng khuâng ta vẫn ước mơ thắm
Trời se sắt nao nao tình nhớ Bắc
Và chợt thấy trong ta niềm rạo rức
Những ngày xưa chim hót bữa sương vây
Cổng làng ta chừng khép mở đâu đây
Sân trường cũ dấu chân ngày thơ ấu
Ôi nhớ Bắc, nương hồn ta bướm đậu
Ao bèo xa mây khuất nẻo quê cha
Gió hiu hiu cây rũ bóng xoan già
Ta nhớ quá tiếng chày khua giã gạo
Cả mùi thơm vừa mở nồi cám nấu
Ôi chạp chòn, gà xao xác ban trưa
Tiếng võng nào kéo kẹt điệu nghìn xưa
Còn đọng lại trong ta tình nhớ Bắc
Thời trẻ dại, tuổi thần tiên tấu nhạc
Giai điệu nào ngậy ngát cả hồn ta?
Giọt sương phơi từng giọt nắng la đà
Trên nhánh lá lung linh từng chuỗi ngọc
Ôi nhớ quá, đầu đây mùi ẩm mốc
Khói thơm chiều mùa gặt ở đâu đây!...

Hoàng Song Liêm
(Virginia)

ĐỌC THƠ UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT

Trần Văn Lương

Khi được GS Ngô thị Vân ngờ ý muốn tôi làm công việc phê bình và giới thiệu thơ của thi sĩ Uyên Phương Minh Nguyệt thì không biết có phải vì "Trời xui Đất khiến" không mà tôi đã mau mắn gật đầu. Nhận lời xong tôi mới thấy mình đã làm một việc hết sức táo bạo, nếu không muốn nói là liều lĩnh. Lý do là vì với khả năng và kiến thức hạn hẹp của mình trong lãnh vực thơ văn, tôi e ngại là mình sẽ không có được những nhận định đúng đắn và sẽ phụ lòng tin tưởng cũng như tâm huyết của người sáng tạo. Cuối cùng tôi đành tự an ủi rằng mình là tay mơ chẳng biết nhiều về thơ nên nếu có nói điều gì sai thì chắc tác giả cũng như độc giả sẽ lượng thứ và không nữ phần trách. Vì sự giới hạn đó, tôi không có tham vọng làm công việc bình thơ (việc này dành cho các nhà phê bình văn học chuyên nghiệp), mà chỉ xin được làm công việc của một hướng dẫn viên đưa quý vị đi thăm lướt qua vườn thơ của Uyên Phương Minh Nguyệt, và hy vọng sau đó quý vị sẽ tự mình đi thăm lại từng gốc hoa bụi cỏ để thưởng thức một cách đầy đủ hơn hương sắc của khu vườn.

Tôi xin lần lượt đi qua ba phần chính:

- Phần nội dung, lược qua những đề tài trong thơ Uyên Phương Minh Nguyệt ,
- Phần hình thức, tìm hiểu cách dùng chữ, các thể thơ cũng như kỹ thuật trình bày cảm xúc của tác giả qua lời thơ,

- Và cuối cùng, chúng ta thấy được gì về con người của tác giả được thể hiện qua tác phẩm này .

x

Một trong những đề tài lớn của thi ca là tình yêu, và thơ của Uyên Phương Minh Nguyệt cũng không là ngoại lệ. Phần lớn của 100 bài thơ là thơ tình. Đây là đề tài chính của tập thơ. Hơn 90% các câu thơ đều đề cập đến tình yêu. Tuy nhiên, cái tình ở đây cũng rất là đa dạng, phản ảnh cái nội tâm phong phú của tác giả. Ngoài cái tình nam nữ (chiếm vào khoảng 40%), độc giả còn gặp được trong tập thơ những tình cảm khác nhau như tình thương đối với cha mẹ, anh chị em, bạn bè, thầy cô, hàng xóm..., niềm tin tôn giáo (trong trường hợp này là lòng sùng kính đối với Chúa và Đức Mẹ), tình yêu quê hương và lòng cảm thông với tâm sự của người khác.



Tình yêu nam nữ luôn luôn hiện diện trong kho tàng thi ca nhân loại. Và khi nói đến tình yêu là nói đến ly biệt: Lá sầu thoi thóp trên cành Trăng hờn ly biệt nên đành khuất xa (Đợi Mãi) Ngỡ rằng mình được trùng phùng Nào ngờ đôi ngã không cùng núi sông ... Trách ông Nguyệt lão trên Trời Núi chia sông tách cách vời Sầm Thương (Lệ Sầu Chia Cách) Có ly biệt là có đau khổ, nhưng nhớ :

Tình yêu nam nữ luôn luôn hiện diện trong kho tàng thi ca nhân loại. Và khi nói đến tình yêu là nói đến ly biệt:

Lá sầu thoi thóp trên cành
Trăng hờn ly biệt nên đành khuất xa
(Đợi Mãi)

Ngỡ rằng mình được trùng phùng
Nào ngờ đôi ngã không cùng núi sông

...

Trách ông Nguyệt lão trên Trời
Núi chia sông tách cách vời Sầm Thương
(Lệ Sầu Chia Cách)

Có ly biệt là có đau khổ, nhưng nhớ :

Chi thoáng nhắc về người đã gọi bao kỷ niệm
Chi nghe tên người thôi đã cảm thấy chạnh lòng
(Nghe Tên Người Thấy Chạnh Lòng)

Đề Tiêu Tương sâu lặng bên chơi vơi
Và sông nước thờ than buồn trông vắng
(Anh giờ đã ngủ)

Tình còn mãi vẫn ươm đây trong trí
Nhớ về người với những xót xa đau
(Giọt Nhớ)

Có nhưng nhớ là có giận hờn trách móc:
Người đi rồi còn nhớ chẳng tình đầy vương?
Chốn xa xôi có ray rút nhớ mảnh trăng thê
(Người Đi Rồi)

Mặc dù nói nhiều đến tình yêu, nhưng
nhiều khi tác giả cũng thắc mắc về nó và tự đặt
nhiều câu hỏi cũng tự đưa ra nhiều câu trả lời
cho chính mình:

Tình là gì sao người thường lụy mãi ...
Tình khởi đầu với chuỗi dài trông ngóng...
Tình càng say thì hôn càng lao đảo ...
Tình xa dần khi đời không chung hướng ...
(Tình Là Gì?)

Để rồi cuối cùng, cái tình là gì cũng chỉ
có Trời Đất hiểu!

Tình yêu, cũng như bất kỳ loại tình cảm
nào, cũng đòi hỏi phải có một đối tượng. Và
người gắn bó với mình quan trọng nhất chính là
người đã nguyện cùng mình trăm năm chung
lối. Nguyên cả bài "Bài Thơ Tặng Chồng" đã
nói lên hết tâm lòng quý mến của Uyên Phương
Minh Nguyệt đối với người bạn đời. Và đây là
lời cảm ơn chân thành từ trái tim của người vợ:
Đời bẽ dâu nhưng tình luôn say đắm
Giải cấu duyên dệt nên nghĩa Trúc Mai
Mọi chuyện như được sắp xếp an bài
Ông Tơ khéo vẽ vôi duyên đôi lứa

Bỗng chợt đâu hai hàng giòng lệ ứa
Cảm thương thay tình anh mãi cao vời
Nghĩa Phu Thê em nguyện khắc anh ơi !
Cảm ơn anh và cảm ơn mãi mãi.

(Cảm On Anh)

Các bậc sinh thành cũng chiếm một vị trí
quan trọng trong trái tim của nhà thơ. Bao giọt

lệ đã chảy ra khi nghĩ đến người cha đã bỏ mình
chôn rùng sâu trong cảnh tù đày sau ngày què
hương tang tóc, để rồi :

Trước vong linh cha chúng con thương mến
Dâng lên cha lời kinh thánh nguyện cầu
Để tỏ bày những ơn nghĩa khắc sâu
Cha vĩ đại chúng con hằng nhớ mãi.

(Khóc Cha Bỏ Mình Nơi Rừng Sâu)

Những vần thơ về mẹ cũng không kém
phần cảm động. Người đọc thấy ngay được lòng
thương mến và sự ngưỡng mộ của người con
đối với mẹ. Lời lẽ tuy bình dị, nhưng chứa chất
được tất cả những gì người con muốn bày tỏ với
người mẹ thân yêu:

Mẹ yêu hỡi lắng nghe con thổ thê
Mẹ là nắng sưởi ấm cõi lòng con
Là mùa Xuân tô sắc thắm ươm tròn
Con khắc khoải mong về bên gối Mẹ

Ở xa xôi nhớ Mẹ con gọi khê
Mẹ của con ôi thương quá Mẹ ơi
Tùng đêm ngày con cầu khẩn ơn Trời
Cho Mẹ mãi sống hoài lâu trăm tuổi.

(Mẹ Là Nguồn Nước)

Và đau đớn thay khi mẹ (trường hợp này là
mẹ chồng) đã qua đời:

Chiều nay mây lững lờ bay
Chim sâu lia tổ cò cây cũng buồn
Mạ giờ bên suối xa nguồn
Chúng con nhớ mạ lệ tuôn chảy dài .

(Thương Nhớ Mạ)

Chim kia lạc tổ kêu hoài
Con xa cách mẹ đời phai nhạt đời.

(Vu Lan Nhớ Mẹ)

Những người thân khác như ông ngoại,
chú, bác, anh chị em... vẫn được Uyên Phương
Minh Nguyệt nhắc nhở. Những sợi dây máu mủ
ràng buộc này đã được tác giả trân trọng nghĩ
đến, một điều tương đối khá hiếm trong xã hội
ngày nay (*Thơ Tặng Ông Ngoại, Mơ Mộng*
Châu Trân, Ngàn Thu Vĩnh Biệt...)

Ngoài những người thân yêu có liên hệ
huyết thống, tác giả còn trải rộng tâm lòng ra

đến nhiều đối tượng khác trong cuộc sống, mà con tim nhạy cảm của mình đã thực sự rung động khi nghĩ đến. Một trong những hình ảnh mà tác giả đặc biệt ưu ái là người mà cô thật tình quý mến -- một Giáo sư của Trường Nữ Trung Học Lê Văn Duyệt, GS Ngô thị Vân. Chúng ta có thể thấy được cái tình của cô qua những lời đề tặng, những câu thơ thật là tha thiết, và qua cách dùng chữ "Mây" để gián tiếp nhắc đến tên của cô giáo Vân:

Gần cô dù chỉ là con ảo
Tôi vẫn trông mong chẳng ngại ngần

...

Bên này tôi vẫn hoài trông đợi
Được tỏ cùng "Mây" giấc mộng vàng
(*Có Láng Giềng Của Tôi*)

hay:

Bên hiện thưở ấy dáng ai gầy
Đôi mắt trông sang thoáng bóng "Mây"
(*Thu Sang Lòng Gợi Nhớ*)

Ngoài ra, tình bạn là một điều không thể thiếu được trong cuộc đời của mỗi người, nhất là trong lúc tuổi mới lớn:

Tuổi thơ giờ đã mất
Dòng đời lắm đổi thay
Bạn bè dăm ba đứa
Lạc lõng phương Trời xa
Hãy cùng nhau thiết tha - nhé bạn.
(*Tình Bạn Thời Áo Trắng*)

Tôn giáo chiếm một vị trí khá quan trọng trong tư tưởng và lời thơ của Uyên Phương Minh Nguyệt. Chính niềm tin tôn giáo đã giúp tác giả vượt qua những đau đớn khi nhắc đến cha ruột và mẹ chồng đã khuất hay những người quen biết gặp cảnh không may:

Bỏ lại đây đời nghiệt ngã đón đau
Về nước Chúa cha tiến thẳng bước mau
(*Khóc Cha Bỏ Mình Nơi Rừng Sầu*)

hoặc:

Con quỳ đây lệ trào tuôn khoé mắt
Ngoài kia bao tiếng khóc tận mây Trời
Tâm hồn con chưa xót đến chơi voi
Thánh giá này Chúa trao ôi nặng quá !

Bước theo Chúa cùng đi con tuân dạ
Mẹ Cha con Chúa gọi cất về rồi
Buồn đơn côi con giá lạnh Chúa ơi !
Cảnh trần thế mịt mờ màu u tối
(*Nỗi Lòng Sầu Đắng Con Dâng Chúa*)

Thật vậy, những lời cảm tạ Chúa trong bài thơ sau đây khi đọc lên đã cho chúng ta những cảm xúc không khác gì khi nghe bài thánh ca "Te Deum" hay "Bài Ca Mặt Trời" của thánh Phan Xi Cô Assisi (mà những người Công giáo không ít thì nhiều đã có dịp nghe qua) :

Tạ ơn Chúa đã tạo nên vũ trụ
Và loài người cùng cây cỏ muôn hoa

...

Tạ ơn ngài cao vời bao thế hệ
Muôn ngàn đời lời ngài tỏa vang rền
(*Cảm Tạ Tình Chúa*)

Chính niềm tin tôn giáo này đã tạo cho nhà thơ một thể đứng quân bình vững vàng trong cuộc sống, được thể hiện qua ngòi bút .

Cũng như trăm vạn người khác mang thân phận xa xứ, Uyên Phương Minh Nguyệt vẫn khắc khoải nhớ về một quê hương đã ngàn trùng cách biệt . Sài Gòn xưa giờ chỉ còn là kỷ niệm: Sài Gòn hồi một thời tôi ở đó
Giờ đổi thay tôi khách lữ đi tìm
Chốn xa xưa tôi đổi mất lim dim
Cho kỷ niệm chợt về trong nỗi nhớ .
(*Sài Gòn Trong Nỗi Nhớ*)

Ngay đến cả mùa Xuân cũng chỉ là thương nhớ và hoài niệm:

Từ khi Xuân cũ phai màu
Buồn thương nỗi nhớ héo nhàu tả tơi
(*Nhớ Xuân Quê Nhà*)

Vì vận nước mà phải ra đi, nhưng trong lòng lúc nào cũng canh cánh nhớ về dòng sông, đồng ruộng, lũy tre xanh, cô lái đò, tiếng guộc... của mảnh đất quê hương đã một lần từ giã. Lòng vẫn luôn nuôi hy vọng rằng sẽ có một ngày nào đó mình có được dịp trở về thăm lại chốn xưa:

Quê hương ơi đừng nghẹn ngào sầu tủi
Tôi sẽ về thăm lại chốn quê xưa
Dạ ai hoài khắc khoải những chiều mưa

Lệ đong đầy quê hương sao thương quá.

(Quê Hương Sao Thương Quá)

Tác giả cũng đôi nhắc đến cái chết, nhưng không phải để có những khắc khoải siêu hình hay để than khóc cho sự vô thường của kiếp sống. Cái chết chỉ được nghĩ đến khi có người thân hay người quen biết ra đi, tạo nên mất mát và đau đớn. Nhưng trong nỗi đau đớn đó, tác giả đã tìm thấy được sự an ủi trong niềm tin tôn giáo, và điều này đã giúp cho nhà thơ không rơi vào cảnh tuyệt vọng sâu thẳm:

Trên Thiên đàng hưởng phúc ngập tình thương

Chúa nhân ái Mẹ từ bi nâng đỡ

(Nỗi Lòng Sầu Đấng Con Dâng Chúa)

Sự ra đi cũng chỉ là về Thiên cung để sum họp với người thân đã khuất:

Đêm ngày mạ vẫn thâm thì

Cùng ba sum họp ra đi về Trời

(Thương Nhớ Mẹ)

Nữ nào em vội về cùng

Cha già trên cõi Thiên cung của mình

(Ngàn Thu Vĩnh Biệt)

Trong đau thương có hy vọng và an ủi, trong buồn khổ có niềm tin và giải thoát. Đó là một thông điệp Uyên Phương Minh Nguyệt muốn gửi đến chúng ta qua những vần thơ nhắc đến cái chết.

x

Và bây giờ trong phần kế tiếp này, chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu cách tác giả đã diễn tả qua ngòi bút một nội dung tương đối phức tạp và những đề tài khá đa dạng như vậy.

Về thể thơ, chúng ta gặp khá nhiều loại: lục bát, song thất lục bát, tứ tuyệt trường thi 7 chữ, tứ tuyệt trường thi 5 chữ, thơ tự do từ 8 đến 11 chữ và đặc biệt là Thất Ngôn Bát Cú của Đường thi.

Tác giả đã cho thấy sự thoải mái của mình trong các thể thơ được lựa chọn. Thể lục bát có lẽ là được ưa chuộng nhất, sau đó đến thơ 7 chữ. Theo thiên ý, những bài thơ 5 chữ rất là đặc biệt và dễ thương, nhưng đáng tiếc là quá ít, chỉ vón

vẹn có ba bài: *Thu Oi Đùng Vàng Lá, Nỗi Niềm Anh Láng Giềng, Tình Bạn Thời Áo Trắng, Xót Xa Mộng Bên Lầu, Nàng Xuân Khoe Vóc Ngọc, Em*. Hy vọng trong tương lai, Uyên Phương Minh Nguyệt sẽ có nhiều bài thơ dùng thể loại này.

Mặc dù bị xem là xưa cũ, nhưng thơ Đường luật, theo ý kiến riêng của tôi, là một cái thước đo khá chính xác khả năng và trình độ kỹ thuật của một người làm thơ. Lý do là thơ Đường, nhất là Thất Ngôn Bát Cú, có nhiều quy định khá khắt khe về niêm, luật, vần và nhất là đối (trong hai cặp Thực và Luận). May mắn thay, chúng ta đã gặp những bài thơ Đường trong tuyển tập này. Xin được trích mấy cặp đối tiêu biểu:

Tấu khúc biệt ly đau sượt nhớ

Buông lời tiễn biệt xót tình ngây

(Với Mộng Buốt Đôi Tay)

Thương lũ chim non bay rẻo gọi

Nhớ làn mây trắng toả trầm ngâm

(Khúc Nguyệt Cầm)

Gió gầy vẫn thổi khung trời vắng

Trăng mảnh còn nương bóng liễu thương

(Giọt Buồn)

Có khác gì những vần thơ cổ!

Về cách diễn tả, ngoài việc trình bày trực tiếp những cảm xúc của mình, Uyên Phương Minh Nguyệt cũng như các bậc tiền bối xưa đã mượn đến vật và cảnh để nói lên tâm sự mình. Trong số đó, mùa Thu chiếm một vị thế khá quan trọng (ít ra là cũng có trên 10 bài có nhắc đến Thu). Thu với sương mù, mưa Ngâu làm buồn lòng người đang yêu nhau:

Anh bảo anh không thích đợi Thu

E cây giận lá trách sương mù

(Ươm Mơ Kết Mong Chờ)

Thu là sứ giả tình yêu:

Yêu em Thu cất bước về

Lá xào xạc rớt ê chề mưa ngâu

(Yêu Em Bốn Mùa)

Nhưng Thu cũng nhắc nhớ đến chia ly:

Mùa Thu buồn năm ấy

Tình bay xa khuất ngàn .
(*Thu Oi Đùng Vàng Lá*)

Chiều Thu năm ấy buồn đưa lối
Giòng nước bên sông lặng lẽ trôi
(*Chiều Thu Đưa Tiễn*)

Mây cũng được tác giả ưu ái nhắc đến . Mây
luôn được gắn liền với mái tóc và một cách rất đặc
biệt đến cô giáo thân yêu của tác giả :
Mái tóc em dài trải dáng mây
Tuôn rơi như suối đổ vai gầy
(*Tóc Mây*)

Thương làm sao người em nơi bến Ngự
Mượn mây trời để chải tóc mượt bay

...
Nhớ về em anh chợt yêu mây trắng
Mây bay đi có làm tóc thêm hương
Có kết se những sợi nhớ sợi thương
Đề anh mãi gọi mây sang ù tóc.
(*Tàn Canh Anh Hoài Mơ Vóc Ngọc*)

Mình anh ngoài hiên vắng
Hỏi "Mây " mây lặng ngơ
(*Nỗi Niềm Anh Láng Giềng*)

Trăng, sao, gió, hoa, lá... cũng chỉ được
nhắc đến khi gợi lên niềm nhớ nào đó:
Một chiều u uẩn cánh hoa rơi
Tim tím màu hoa chợt nhớ người
(*Hoa Bàng lẵng Tim*)

Bao năm hieu quạnh trăng sầu tủi
(*Vóc Anh Trăng Vàng Thỏ Nhớ Nhung*)
Nhấn gió gọi mây lòng bối rối

...
Tàn phai lá uá những mong chờ
(*Theo Lối Em Về*)
Vi ai sao rụng lẻ đơn
Trăng khuya thoi thóp thoi vờn núi cao
Vi ai sỏi đá thì thảo
Than mờ dấu vết thở nào đắm say
(*Vi Ai*)

Trong khi diễn tả tâm trạng của mình, Uyên
Phương Minh Nguyệt đã sử dụng nhiều hình
ảnh thật là đẹp. Tuy vậy chữ dùng thật là bình dị
tự nhiên và bút pháp không có gì là cầu kỳ khúc

mắc. Đó là một đặc điểm dễ tạo nên sự cảm
thông cho người đọc. Chữ nghĩa dù đơn giản,
nhưng khi đặt đúng chỗ (nói theo khoa Tử Vi là
"đắc địa") thì lại có hiệu quả thật lớn. Xin gửi
đến quý độc giả một số hình ảnh tiêu biểu:

Lá sầu thoi thóp trên cành
Trăng hờn ly biệt nên đành khuất xa
(*Đợi Mãi*)

Ghế sân trường vương vấn chẳng muốn rời
Tay chưa nắm tim vẫn sai nhịp đập
(*Tuổi Mười Sáu*)

Mây đổ vai buồn rồi sợi tơ
(*Lá Cũng Tình Si*)

Cuội vẫn còn thương nhớ chị Hằng.
Leo trèo lên tận chôn mây giăng
(*Đánh Mất Chị Hằng*)

Tiền anh hoa lá sâu u uẩn
Màu tím theo anh tím cả sông
(*Sắc Tim*)

Phượng đỏ ngập đường tình chẳng ngộ
Ngại ngừng một gã sợ sang hè
(*Theo Lối Em Về*)

Thiết tưởng những dòng thơ trích dẫn trên đã
tạm đủ cho ta biết được phần nào về bút pháp và
lối hành văn của tác giả. Và bây giờ, cả một
vườn thơ đầy hương sắc đang nằm đó, sẵn sàng
chào đón bước chân thám du của khách yêu thơ.

x

Nếu chúng ta tin được lời của Buffon: "*Le style c'est l'homme même*" (văn chính là người),
thì chúng ta có thể thấy được một chút con
người Uyên Phương Minh Nguyệt qua 100 bài
thơ trong tuyển tập này.

Một nhận xét đầu tiên chúng ta có được là
cảm xúc thật dồi dào của tác giả. Không những
cô chỉ xúc động trước những sự việc xảy ra cho
mình (chẳng hạn sự mất mát của các bậc sinh
thành), mà cô còn cảm thấy sự đau buồn của cả
những người chung quanh mình nữa (như tai
nạn thảm khốc xảy ra cho những người đi hành
hương Thánh Mẫu tại Missouri năm 2008,

chuyện tình của những người láng giềng hay bạn bè quen biết ...). Tuy nhiên, điểm đặc biệt là lời thơ dẫu buồn nhưng không quá bi lụy, sâu thẳm hay thô thiển. Tác giả vẫn giữ được phong thái mẫu mực, vẫn làm chủ được phần nào những cảm xúc của mình. Đó có phải là nhờ vào niềm tin tôn giáo hay là cuộc sống vững vàng, quân bình, có khuôn thước và chừng mực của tác giả? Cái phong thái chững chạc này, chúng ta đã có dịp thấy qua trong thơ của Bà Huyện Thanh Quan: ngậm ngùi nhưng không thấm thiết và cái buồn tuy man mác nhẹ nhàng nhưng thực là sâu đậm.

Cũng như hầu hết các thi sĩ khác, Uyên Phương Minh Nguyệt cũng mơ mộng vẩn vơ, cũng có những hoài niệm nuối tiếc về tuổi trẻ, về tuổi học trò áo trắng. Nhưng nhớ để mà nhớ thì có, để than vãn rên rỉ suốt suốt thì không.

Đọc thơ của Uyên Phương Minh Nguyệt, chúng ta cảm thấy tác giả rất gần gũi với mình, cũng có những xúc cảm và cái nhìn tương đối không quá khác với mình. Điểm khác biệt là Uyên Phương Minh Nguyệt đã trải được lòng mình ra trên giấy qua ngòi bút tuy bình dị nhưng rất trữ tình của cô, còn chúng ta chỉ biết đọc và cảm ơn người đã nói lên giùm nỗi lòng của mình. Qua tập thơ này, chúng ta thấy được Uyên Phương Minh Nguyệt như là một con người thật, chứ không phải là một hình bóng mờ ảo "cao siêu" cách biệt như một số người làm thơ cố gắng tạo ra cho mình. Nói tóm lại, Uyên Phương Minh Nguyệt là một con người đích thực trước khi là một thi sĩ. Và đó là điều làm cho người đọc cảm thấy quý mến và cảm thông được với tác giả một cách dễ dàng.

x

Để kết thúc phần giới thiệu tuyển tập 100 bài thơ của Uyên Phương Minh Nguyệt, tôi xin mạn phép gửi đến tác giả và quý độc giả tương lai mấy câu cảm tác sau khi dạo qua khu vườn thơ đầy màu sắc êm dịu này, nơi sự yên bình chỉ bị khuấy động một cách nhẹ nhàng bởi cái bóng

đơn độc của một cánh chim uyên lẻ loi lạc vào. Bài cảm tác này được viết theo thể ngũ ngôn tứ tuyệt của Đường thi, và xin được xem đây là một món quà nho nhỏ gửi đến Uyên Phương Minh Nguyệt để đáp lại tấm lòng tin cậy của tác giả đã đặt vào kẻ hèn này.

鴛影攪寒天，
 芳葵久寂眠。
 明燈推薄露，
 月傘蓋詩園。

Âm Hán Việt:

Uyên ảnh giao hàn thiên,
Phương quý cửu tịch miên .
Minh đăng thời bạc lộ,
Nguyệt tán cái thi viên .

Dịch nghĩa:

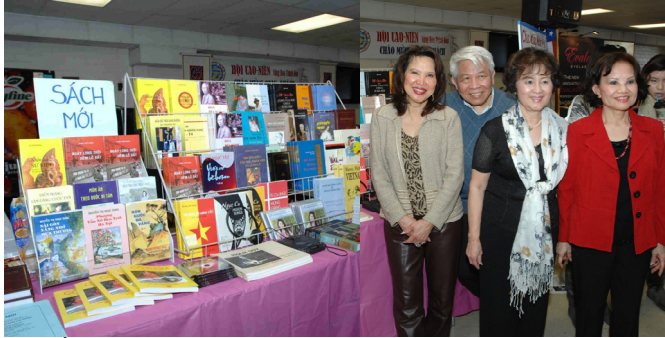
Bóng con chim uyên khuấy trời lạnh,
 Hoa quý thơm đã lặng lẽ ngủ từ lâu.
 Đèn sáng xô đẩy làn sương mỏng,
 Trăng như cái lọng che kín vườn thơ.

Trần Văn Lương

Tiểu Saigon, giữa mùa Thu 2010

SINH HOẠT CỎ THƠM

Bán Sách Chợ Tết Tân Mão



Nhà văn Hồng Thủy, Học giả Nguyễn Ngọc Bích, NV Trương Anh Thụy, NV Nguyễn Thị Ngọc Dung đứng trước gian hàng sách báo Cảnh Nam THXBMD và Cỏ Thơm.



Ý Nguyên, Trương Anh Thụy, Quỳnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Hồng Thủy, GS Đào Thị Hợi.



**Phó Chủ Nhiệm ngoại vụ Phan Anh Dũng
thăm viếng Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm, San
Jose, trong dịp cuối năm Dần vừa qua.**



NS Vũ Đức Nghiêm, Kim Vũ, Phan Anh Dũng,
Việt Bằng.



Phan Anh Dũng và Kim Vũ tại tân gia Kim Vũ.



Nhà thơ Kim Vũ, Nhạc sĩ Vũ Đức Nghiêm
cùng phu nhân và Nhà thơ Việt Bằng

**TẬP SAN CỔ THƠM
và sách của
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG
có bán tại
Washington Music
Eden Center
6795 Wilson Blvd. #26
Falls Church, VA 22044
Tel. 703 538 4979**



7260 Arlington Blvd., (Route 50) Falls Church, VA 22042; Tel. 703-573-6000

- Nhà Hàng Trung Hoa lịch sự, sang trọng và rộng lớn vào bậc nhất trong vùng.
- 600 chỗ ngồi dành cho tiệc cưới, hỏi. Sân nhảy đẹp, rộng rãi.
- Nhà hàng đã dành ra một ngân khoản lớn để có được một dàn đầu bếp thượng thặng phục vụ quý khách.
- Thức ăn trứ danh, hợp khẩu vị người Việt.
- Ngoài ra còn có Lunch và Dinner Buffet cả 7 ngày trong tuần.
- Mời quý khách ghé qua để thưởng thức và chứng kiến về những thay đổi đặc biệt của chúng tôi.
- Quý vị cần đặt tiệc cưới, xin vui lòng liên lạc với Ban Quản Lý Nhà Hàng Harvest Moon càng sớm càng tốt.
- Hiện giờ chúng tôi đã nhận tiệc cưới cho năm 2010 & 2011.

Super buffet mỗi ngày:

- Lunch: \$7.95
- Dinner: \$9.95

Mở cửa 7 ngày trong tuần

- Sun - Thur: 11:30 - 10:00pm
- Fri - Sat: 11:30 - 11:00pm

Trân Trọng Kính Mời

DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN

Ô. Hồ Trường An, B. An Hicky, B. Phạm Tường An, Ô.B. Cung Thăng An, B. Văn Thị Kiều Anh, B. Nguyễn Ngọc Anh, Ô. Nguyễn Văn Bá (France), Ô. Trần Hữu Bảo, Ô. Việt Bằng (CA), B. Phạm Thị Ánh Bích, Ô.B. Hoàng Dân Bình, Ô. Vũ Đình Bình, Ô.B. Nguyễn Bông, Trần Thị Hương Cau, Ô. Canh Ba Dang, Ô.B. La Trung Chánh, B. Nguyễn Phương Châm, Ô.B. Nguyễn Hùng Châu, B. Vũ Kim Châu, Ô. Trần Châu, B. Trương Minh Châu, Ô. Lâm Ngọc Chiêu, Ô.B. Ngô Chương, B. Nguyễn Hồng Cung, Ô.B. BS Nguyễn Bá Cường, B. Diana Đặng, B. Nguyễn Kim Dung, B. Nguyễn P.T.Ngocdung, , Ô. B. Phan Anh Dũng, B. Dzung Senser, Ô.B. Don Van Dang, B. Bùi Thị Đào, Ô. Nguyễn Hải Đăng, B. Mẫu Đơn Nguyễn, Ô. Vũ Vương Đoàn, Ô. Duy An Đông, Ô.B. Hoàng Cung Fa, Ô.B. B.S. Giang Hoàng, Ô.B. Lê Hậu, B. Đỗ Thị Minh Giang, Ô.B. Sóng Việt Đàm Giang, Ô. Ngô Tăng Giao, B. Tôn Nữ Mặc Giao, B. Rose Ngọc Hà Nguyễn, B. Nguyễn T. Song Hà, Ô.B. Nguyễn Đăng Hải, Ô. Lý Văn Hải, Ô.B. BS Giang Hoàng, B. Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, B. Dương Thị Hiền, Ô. Đặng Văn Hiền, B. Đặng Thị Hiền, B. Huệ Phạm, B. Nguyễn Hoa, Ô. Lý Thy Hiều, Ô.B. Trần Bội Hoàn, Ô. Phạm Cao Hoàng, B. Tô Diễm Hồng, Ô.B. Hoàng Thế Huân, Ô.B. Huỳnh Bá Hùng, Ô. Trương Hùng, B. Võ Lại, B. Thùy Hương N.T.T, B. Quỳnh Khanh Nicholson, Ô. Lê Ngọc Kha, B. Vi Khuê, Ô. B. Phan Khâm, Ô. Nguyễn Lâm, Ô. Nguyễn Quốc Khoa, Ô. Phạm Nguyên Khôi, B. Nguyễn Đàm Chi Lan, B. Phạm Tố Lan, B. Nghiêm Phương Lan, B. Nguyễn Tuyết Lê, Ô.B. Đạt Thu Lê, Ô.B. Đàm Xuân Linh, B. Ngô Thị Liên, Ô. B. Nguyễn Huy Long, Ô. B. Nguyễn Phú Long, Ô. Phạm Đình Long, Ô.B. Dương Kim Long, B. Hoàng Bạch Mai, B. Mai Nguyễn (VA), Ô. Vũ Nam, Ô. Đăng Nguyên, B. Nguyễn Phương Nga, Ô. Đào Nguyên, B. Nguyễn T. Xuân Nga, Ô. Vũ Đức Nghiêm, B. Cao Mỹ Nhân, B. Trần Thị Minh Nguyệt, B. Nguyễn Tú Nhật, Ô. Lê Xuân Nhuận, B. Phạm Thị Nhung, Ô. Vũ Mạnh Phát, Ô. Trần Phi, Ô. Trần Quốc Phiệt, Ô. B. Đỗ Ngọc Phú, Ô. Phan Văn Phú, B. Vũ Thị Phúc, B. Hoàng Hữu Phước, Ô. Trần Phi Sao, Ô. Nguyễn Sơn, B. Nghiêm Thái Phượng, Ô. Lê Quang Phùng, Ô. Trần Bích San, Ô. Trần Đức Sương, Ô. Hồ Công Tâm, Ô. Lê Văn Tấn, Ô. Lê Tam Thanh, B. Nguyễn T. Minh Tâm, B. Nguyễn Minh Tân, B. Nguyễn T. Ngọc Tân, Ô.B. Vũ An Thanh, Ô.B. Nguyễn Diệu Tân (NJ), B. Nguyễn Đạp Thanh, Ông Mỹ Phước Nguyễn Thanh, Ô. B. Nguyễn Văn Thành, B. Phong Thu, B. Thảo Nguyên Phạm, Ô. Nguyễn Thành Thế, Ô. B. Trịnh Đức Thông, B. Nguyễn Tiểu Thu, B. Lưu Nguyễn Kiều Thu, B. Nguyễn Mây Thu, B. Nguyễn Hồng Thủy, B. Lương Thu Thủy, Ô. B. Lê Ngọc Thụy, Ô. Nguyễn Hữu Thử, Ô. Lê Văn Thương, Ô. Nguyễn Minh Tiên, Ô. Bùi Thanh Tiên, B. Tiffany Trang Đỗ, Ô. Nguyễn Văn Toại, B. Hoàng Minh Trân, Ô. Lê Văn Trạch, B. Ngô Khắc Trâm, Ô. Nguyễn Đình Trân, Ô. Tạ Quang Trung, Ô. B. Võ Trương, Ô. Đàm Xuân Tú, B. Đặng Ngọc Tú, Ô. Hoàng Lý Văn, B. Nguyễn Tường Vân, B. Khánh Vân Michalek, Ô. Nguyễn Xuân Vân, Ô. Nguyễn Tinh Vệ, Ô. Yên Vi, B. Yến Nguyễn, B. Hoàng Hồng Yến, Eastern Loudoun Library, ÔB. BS. Võ Đạm, Hà Nguyễn & Associates, Ivan M. Waldman & Associates, B.S. Nguyễn T. Kim Dung, B.S. Nguyễn Quốc Quân, Sovereign Realty, INC., Harvest Moon Restaurant.

**PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO
(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)**

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chỉ, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

**GIÁ MỘT NĂM BÁO CỔ THƠM
PRICE 1 YEAR, 4 ISSUES**

Nội địa Hoa Kỳ: US \$35 [] - Gia Nã Đại (In USA & Canada): US\$40 []

Úc, Á và Âu Châu (Australia, Asia & Europe): US \$50 []

**GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ
trên Tam cá nguyệt san Cổ Thơm (7 x 8.5")**

1/2 trang trong: US \$30.00 []

1 trang trong: US \$60.00 []

Trang trong bìa trước: US \$100.00 []

Trang trong bìa sau: US \$100.00 []

Trang ngoài bìa sau: US \$120.00 []

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194

**QUÍ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÍ THÂN CHỦ QUẢNG CÁO
LÀ ÂN NHÂN YẾM TRỢ TAM CÁ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**